

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
KHOA SƯ PHẠM NGOẠI NGỮ



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH LL&PPDH TIẾNG ANH

Mã số ngành đào tạo: 8140111

*(Ban thành theo Quyết định số 3537/QĐ-ĐHV, ngày 22/12/2023
của Hiệu trưởng Trường ĐH Vinh)*

Nghệ An, 2023

MỤC LỤC

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT	3
PHẦN 1. GIỚI THIỆU.....	4
1.1. Trường Đại học Vinh	4
1.1.1. Tóm tắt quá trình phát triển.....	4
1.1.2. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục	4
1.1.3. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ	5
1.1.4. Hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.....	5
1.2 Khoa Sư Phạm Ngoại Ngữ.....	7
1.2.1 Chức năng, nhiệm vụ	7
1.2.2 Đội ngũ cán bộ	7
1.2.3 Hoạt động nghiên cứu khoa học.....	8
1.3 Ngành LL&PDH bộ môn Tiếng Anh.....	8
1.3.1 Giới thiệu về ngành.....	8
1.3.2 Thông tin liên hệ	10
PHẦN 2. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	11
2.1 Thông tin chung	11
2.2 Mục tiêu chương trình đào tạo	11
2.2.1 Mục tiêu tổng quát.....	11
2.2.2 Mục tiêu cụ thể định hướng nghiên cứu.....	11
2.3 Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	12
2.4 Định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp	12
2.5 Tuyển sinh.....	13
2.5.1 Đối tượng và điều kiện dự tuyển.....	13
2.5.2 Đối tượng và chính sách ưu tiên.....	14
2.5.3 Thời gian, phương thức, địa điểm và chỉ tiêu tuyển sinh	14
2.5.4 Các môn thi tuyển và xét tuyển.....	15
2.5.5 Điều kiện trúng tuyển.....	15
2.6 Công nhận tốt nghiệp	15
2.7 Nghỉ học tạm thời, thôi học.....	15
2.8 Các dịch vụ hỗ trợ người học	16
PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC.....	17
3.1 Tổng quan về CTDH.....	17
3.2 Chuẩn đầu ra CTĐT	17
3.3 Khung chương trình dạy học.....	19
3.4 Bảng phân nhiệm CDR CTĐT cho các học phần	22
3.4.1 Định hướng nghiên cứu.....	22
3.4.2 Định hướng ứng dụng	23
3.5 Sơ đồ cấu trúc và trình tự dạy học.....	24
3.6 Phương pháp giảng dạy và học tập.....	25
3.7 Phương pháp kiểm tra đánh giá.....	25

3.8 Mô tả tóm tắt các học phần trong CTDH	25
PHẦN 4. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NHÂN VIÊN HỖ TRỢ	31
4.1 Đội ngũ giảng viên	31
4.2 Nhân viên hỗ trợ.....	32
PHẦN 5. CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ TRANG THIẾT BỊ.....	34
5.1 Hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng.....	34
5.2 Hệ thống thư viện.....	34
5.3 Hệ thống công nghệ thông tin	35
5.4 Trạm y tế	35
PHẦN 6. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH	36
6.1 Đối với Khoa quản lý chương trình.....	36
6.2 Đối với giảng viên.....	36
6.3 Kiểm tra, đánh giá.....	36
6.4 Đối với học viên.....	36
6.5 Một số quy định chung của CTĐT.....	37
6.5.1 Quy định về việc nghỉ học tạm thời, thôi học	37
6.5.2 Quy định về chuyển cơ sở đào tạo, chuyển nơi học và chuyển chương trình đào tạo	37
6.5.3 Quy định về xử lý vi phạm đối với học viên.....	37
6.5.4 Quy định chấm điểm luận văn thạc sĩ	38
PHỤ LỤC 1	40
PHỤ LỤC 2	42
PHỤ LỤC 3	44
PHỤ LỤC 4	46
PHỤ LỤC 5	48
PHỤ LỤC 6	50

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu	Diễn giải
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐH	Đại học
CTDH	Chương trình dạy học
PG	Program Goal
PLO	Program Learning Outcomes
CDR	Chuẩn đầu ra
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
LL&PPDH	Lý luận và phương pháp dạy học
TESOL	Teaching English to Speakers of Other Languages
CNTT	Công nghệ thông tin
NVSP	Nghịệp vụ sư phạm

PHẦN 1. GIỚI THIỆU

1.1. Trường Đại học Vinh

1.1.1. Tóm tắt quá trình phát triển

Ngày 16/7/1959, Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Nghị định số 375/NĐ thành lập Phân hiệu ĐH Sư phạm Vinh, đánh dấu một sự kiện đáng ghi nhớ trong lịch sử nền giáo dục Việt Nam. Ngày 29/02/1962, Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Quyết định số 637/QĐ chuyển Phân hiệu ĐH Sư phạm Vinh thành Trường ĐH Sư phạm Vinh, đánh dấu sự ra đời của Trường ĐH Vinh. Ngày 25/4/2001, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg đổi tên Trường ĐH Sư phạm Vinh thành Trường ĐH Vinh, khẳng định Trường ĐH Vinh đã trở thành một trường ĐH đa cấp, đa ngành và đa lĩnh vực. Ngày 11/7/2011, Thủ tướng chính phủ ban hành Công văn số 1136/TTg-KGVX đưa trường ĐH Vinh vào danh sách xây dựng thành trường ĐH trọng điểm quốc gia.

Hiện nay, Trường ĐH Vinh là một trong 8 trung tâm đào tạo, bồi dưỡng sư phạm; là một trong 5 trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục của cả nước; là một trong 10 trường tham gia Đề án Ngoại ngữ Quốc gia. Trường ĐH Vinh được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục năm 2017 và năm 2023.

Trải qua 63 năm xây dựng và phát triển, Trường ĐH Vinh đã được tặng nhiều phần thưởng cao quý: Danh hiệu Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới (năm 2004), Huân chương Độc lập hạng Nhất (năm 2009 và năm 2014), Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 1992, năm 2019), Huân chương Lao động hạng Ba của Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (2019), Huân chương Hữu nghị của Nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (năm 2009, năm 2011 và năm 2017), và nhiều phần thưởng cao quý khác.

1.1.2. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục

- **Sứ mạng:** Trường ĐH Vinh là cơ sở giáo dục ĐH đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển GD&ĐT của khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế.

- **Tầm nhìn:** Trường ĐH Vinh trở thành ĐH thông minh, xếp hạng top 500 ĐH hàng đầu châu Á vào năm 2030, hướng đến top 1000 ĐH hàng đầu thế giới vào năm 2045.

- **Mục tiêu tổng quát:** Tạo dựng môi trường học thuật tốt để hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân, hướng tới sự thành công.

- **Giá trị cốt lõi:** Trung thực (honesty), trách nhiệm (accountability), say mê (passion), sáng tạo (creativity), hợp tác (collaboration).

- **Triết lý giáo dục:** HỢP TÁC (collaboration), SÁNG TẠO (creativity) - với ý nghĩa được thể hiện như sau:

HỢP TÁC	1) Trường ĐH Vinh xác định HỢP TÁC trong môi trường học thuật, đa văn hóa là sự kết nối, tương tác và cộng hưởng năng lực giữa các cá nhân và giữa các đơn vị, tổ chức để tạo nên sự phát triển. HỢP TÁC là sự tôn trọng khác biệt, sự phát triển tự do của mỗi con người, thể hiện tính nhân văn. HỢP TÁC là con đường để cùng phát triển và đảm bảo lợi ích hài hòa của các bên liên quan. 2) Trường ĐH Vinh tạo dựng môi trường hợp tác để thực hiện các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học công nghệ và phục vụ cộng đồng. Người học được khuyến khích phát triển năng lực hợp tác thông qua CTĐT với các PPDH tích cực chú trọng đến năng lực hợp tác.
SÁNG TẠO	1) Trường ĐH Vinh xem SÁNG TẠO là năng lực cốt lõi nhất của mỗi cá nhân, đảm bảo cho sự thành công trong nghề nghiệp và cuộc sống trong bối cảnh thay đổi và sự vận động của Cách mạng công nghiệp 4.0, đảm bảo khả năng học suốt đời. SÁNG TẠO là tạo ra những tri thức và giá trị mới. SÁNG TẠO là dám nghĩ, dám làm, say mê nghiên cứu, khám phá, và không ngừng cải tiến. 2) Trường ĐH Vinh đào tạo người học trở thành người lao động sáng tạo thông qua quá trình "<i>Hình thành ý tưởng - Thiết kế - Triển khai - Vận hành</i>" trong các hoạt động nghề nghiệp, có khả năng thích ứng cao trong thế giới việc làm.

1.1.3. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ

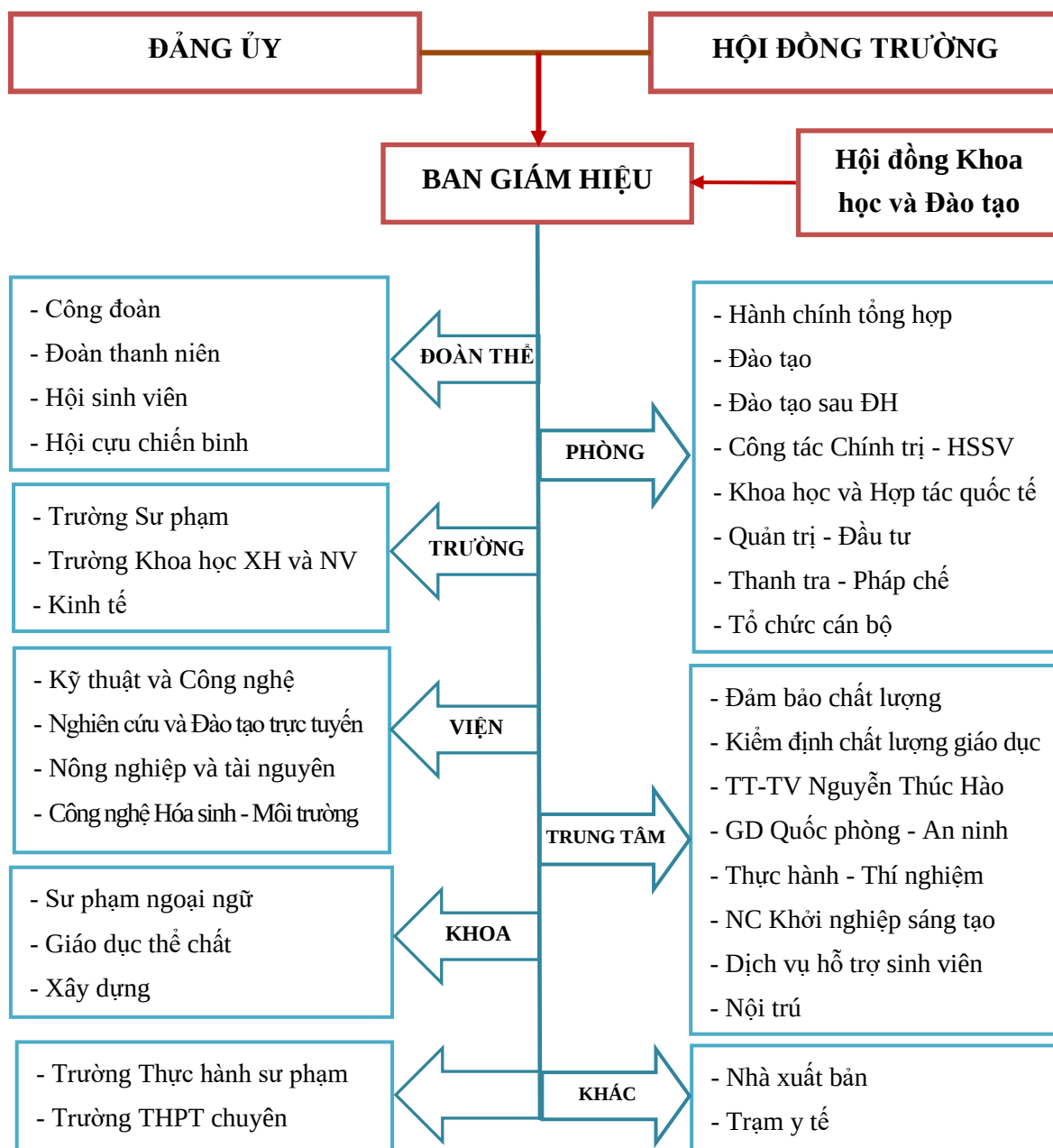
- **Cơ cấu tổ chức:** Cơ cấu tổ chức Trường ĐH Vinh được mô tả như *Hình 1.1. Cơ cấu tổ chức của Trường* gồm 3 trường thuộc, 4 Viện, 4 Khoa, 1 Trường THPT Chuyên, 1 Trường Thực hành sư phạm; có 24 Phòng ban, Trung tâm, Trạm và 2 Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Thanh Hóa.

- **Đội ngũ cán bộ:** Tính đến tháng 4/2024, Trường ĐH Vinh có tổng số viên chức và người lao động là 1002 người (bao gồm 8 sĩ quan biệt phái), trong đó có 705 viên chức giảng dạy, 297 viên chức hành chính, 3 giáo sư, 54 phó giáo sư, 341 tiến sĩ (tính cả GS, PGS) và 469 thạc sĩ.

1.1.4. Hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế

- **Hoạt động đào tạo:** Trường ĐH Vinh là một trung tâm giáo dục ĐH lớn của khu vực Bắc Trung Bộ. Trường được giao nhiệm vụ đào tạo cử nhân, kỹ sư trình độ ĐH, đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ, giáo dục phổ thông và bậc học mầm non. Hiện nay, Trường đào tạo 57 ngành trình độ ĐH (trong đó có 3 ngành ĐH chất lượng cao), 38 chuyên ngành trình độ thạc sĩ và 17 chuyên ngành trình độ tiến sĩ với gần 35.000 HS, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh. Trường được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục năm 2017 và năm 2023. Từ năm 2017 đến nay Trường đã có 25 CTĐT ĐH chính quy được đánh giá ngoài và

được công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục theo Bộ tiêu chuẩn Quốc gia, 2 CTĐT ĐH chính quy được đánh giá ngoài và được công nhận đạt chuẩn chất lượng giáo dục theo Bộ tiêu chuẩn của mạng lưới các trường ĐH Đông Nam Á (AUN-QA).



Hình 1.1 Cơ cấu tổ chức Trường ĐH Vinh

- **Nghiên cứu khoa học:** Hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường tập trung trên 3 lĩnh vực: khoa học cơ bản, khoa học giáo dục và khoa học công nghệ, ứng dụng - triển khai. Trong 5 năm gần đây, đội ngũ cán bộ đã triển khai hàng trăm đề tài khoa học các cấp, trong năm 2023 đội ngũ cán bộ của Trường đã công bố trên 170 bài báo thuộc danh mục Web of Science và Scopus. Trường ĐH Vinh luôn nằm trong top 10 trường ĐH có bài công bố quốc

tế nhiều nhất ở Việt Nam.

- **Hợp tác quốc tế:** Hoạt động hợp tác quốc tế của Trường được đẩy mạnh. Trường đã ký kết các chương trình hợp tác song phương với nhiều trường ĐH lớn trên thế giới như: ĐH Zielona Gora (Ba Lan), ĐH Hull (Anh), ĐH Postdam (Đức), ĐH South Florida, ĐH San Jose (Hoa Kỳ), ĐH Victoria (Australia), ĐH Rajabhat Maha Sarakham, Trường ĐH Nakhon Phanom (Thái Lan), ĐH Pukyong (Hàn Quốc)... tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giảng viên, sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh tham gia học tập, nghiên cứu khoa học.

1.2 Khoa Sư Phạm Ngoại Ngữ

Khoa Ngoại ngữ được thành lập ngày 27 tháng 10 năm 1994 theo Quyết định số 3090/GD-ĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Ngày 11 tháng 7 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ đã có công văn số 1136/TTg-KGVX về việc bổ sung Trường Đại học Vinh vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm, Khoa Ngoại Ngữ là một trong ba đơn vị được Nhà trường chọn đổi tên thành khoa sư phạm nhằm phát huy truyền thống của Nhà trường. Ngày 04 tháng 11 năm 2013, Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ký Quyết định số 3557/QĐ-ĐHV đổi tên Khoa Ngoại Ngữ thành Khoa Sư phạm Ngoại Ngữ thuộc Trường Đại học Vinh.

1.2.1 Chức năng, nhiệm vụ

Khoa Sư Phạm Ngoại Ngữ có nhiệm vụ đào tạo trình độ Cử nhân Ngôn Ngữ Anh, Sư Phạm Tiếng Anh, và trình độ Thạc sĩ Lý luận và Phương pháp giảng dạy tiếng Anh; đào tạo ngoại ngữ cho sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh không chuyên ngữ trong toàn Trường đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra theo quy định; tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn thường xuyên cho giáo viên tiếng Anh phổ thông các tỉnh Bắc Trung Bộ thuộc Đề án Ngoại Ngữ Quốc Gia 2020; bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ, nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên, giáo viên ngoại ngữ, giảng viên, giáo viên dạy chuyên ngành bằng ngoại ngữ; hỗ trợ, tư vấn các hoạt động, chính sách liên quan đến ngoại ngữ cho các trường đại học, các trường phổ thông, các Sở, Ban ngành trong khu vực Bắc Trung Bộ; cung cấp các dịch vụ liên quan đến ngoại ngữ phục vụ cộng đồng; hợp tác với các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước, các tổ chức quốc tế, đại sứ quán các nước trong công tác đào tạo và bồi dưỡng ngoại ngữ; tổ chức thi, kiểm tra đánh giá năng lực tiếng Anh theo Khung Năng Lực Ngoại Ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

1.2.2 Đội ngũ cán bộ

Cùng với sự lớn mạnh của Nhà trường, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã phát triển về nhiều mặt. Hiện nay đội ngũ cán bộ của Khoa có 54 cán bộ, trong đó có 49 cán bộ giảng dạy, gồm: 02 Phó giáo sư, 08 Tiến sĩ, 37 Thạc sĩ, 02 Cử nhân (đang học Thạc sĩ); 01 Nghiên cứu sinh ở nước ngoài, 01 Giảng viên cao cấp, 12 Giảng viên chính. Đội ngũ giảng viên có trình độ cao, được đào tạo tại các trường có uy tín trong và ngoài nước như Nga (01 tiến sĩ), New Zealand (01 tiến sĩ), Nhật Bản (01 tiến sĩ), Pháp (01 tiến sĩ), Hoa Kỳ (03 thạc sĩ), Úc (02 tiến sĩ, 01 nghiên cứu sinh), Anh (02 thạc sĩ), Đài Loan (01 thạc sĩ). Ngoài ra, hầu hết cán bộ giảng dạy

đều đã tham gia các khoá tập huấn nâng cao trình độ ở nước ngoài và thường xuyên tham gia các hoạt động phát triển chuyên môn nghiệp vụ.

1.2.3 Hoạt động nghiên cứu khoa học

Cùng với hoạt động đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học và bồi dưỡng cán bộ giảng dạy cũng được chú ý phát triển. Khoa đã tổ chức thành công nhiều hội thảo khoa học về nghiên cứu và giảng dạy tiếng Anh như VinhTESOL, VietTESOL; xuất bản nhiều giáo trình, tập bài giảng; công bố các bài báo trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Các cán bộ của Khoa Sư phạm Ngoại ngữ đã chủ trì và tham gia thực hiện đề tài các cấp. Bên cạnh đó, giai đoạn 2016-2020, cán bộ khoa đã thực hiện nhiều khóa tập huấn về phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá, xây dựng đề thi, biên soạn chương trình tài liệu trong khuôn khổ Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020 và các chương trình khác của do Bộ GD&ĐT, các tổ chức Văn hóa và giáo dục tổ chức.

1.3 Ngành LL&PDH bộ môn Tiếng Anh

1.3.1 Giới thiệu về ngành

Ngành LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh trình độ thạc sĩ tuyển sinh khóa đầu tiên vào năm 2008. Đến nay, chương trình đã đào tạo hơn 300 học viên. Nhiều học viên sau khi tốt nghiệp đã được bổ nhiệm vào các vị trí quan trọng tại các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước.

Đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo bao gồm 02 Phó giáo sư, 08 tiến sĩ, giảng viên cơ hữu của Khoa Sư phạm Ngoại ngữ và các thỉnh giảng bao gồm các nhà khoa học hàng đầu trong nước ở lĩnh vực LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh. Ngoài ra Khoa còn mời nhiều giáo sư ở các trường đại học nước ngoài như Nhật, Mỹ hợp tác để tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học, hội thảo, hội nghị nhằm giúp cho học viên có cơ hội hình thành và phát triển các kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết để đạt PLOs.

Ngoài việc sử dụng toàn bộ cơ sở vật chất của Trường Đại học Vinh, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ còn có Phòng tư liệu riêng phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học chuyên môn của cán bộ và học viên của Khoa. Nhà trường cũng đã bố trí cho Khoa hệ thống phòng học, văn phòng khoa, phòng làm việc của Ban chủ nhiệm Khoa, phòng sinh hoạt tổ chuyên môn, phòng thực hành Bộ môn với đầy đủ các trang thiết bị đảm bảo cho hoạt động dạy, học, nghiên cứu khoa học, sinh hoạt chuyên môn. Chính vì vậy, các học viên ngành LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh có cơ hội được sử dụng các trang thiết bị, tư liệu chung và riêng, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu và rèn luyện các kỹ năng, kiến thức cần thiết.

Ngành LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh được xây dựng phù hợp với định hướng phát triển của nhà trường: Vừa chuyển hướng sang đào tạo đa ngành vừa giữ gìn truyền thống đào tạo sư

phạm. Mục tiêu và CĐR của CTĐT được xác định tương thích với sứ mạng của nhà trường (*Là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học*) và phù hợp với tầm nhìn *trở thành trường đại học trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN*. CTĐT của ngành đã được đối sánh với chương trình đào tạo thạc sĩ ngành LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh ở một số trường đại học trong và ngoài nước với mong muốn góp phần đưa Trường Đại học Vinh trở thành thành viên của mạng lưới các trường Đại học ASEAN.

Các học phần trong CTĐT và phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá cũng được thiết kế để thể hiện các giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục của nhà trường. CTĐT cũng nhấn mạnh các nguyên tắc giáo dục hiện đại, bao gồm việc phát triển song song các kỹ năng chung và kỹ năng chuyên ngành, giúp người học trở thành những người dẫn dắt, lãnh đạo hàng đầu và duy trì khả năng học tập suốt đời. Theo đó, CTĐT ngành LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh góp phần giúp nhà Trường đạt được mục tiêu giáo dục, hoàn thành sứ mạng và hướng tới tầm nhìn cũng như đảm bảo các triết lý giáo dục mà nhà trường theo đuổi.

Mục tiêu và CĐR của CTĐT được xây dựng, rà soát định kỳ, bổ sung, sửa đổi theo chủ trương và định hướng phát triển của nhà trường. Vì vậy, mục tiêu và CĐR của các CTĐT được xác định rõ ràng, tương thích với sứ mạng và tầm nhìn, mục tiêu, triết lý giáo dục của Trường, phản ánh được yêu cầu của thị trường lao động và các bên liên quan, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học và Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Công tác xây dựng và rà soát này có sự tham gia và đóng góp ý kiến của các bên liên quan, và các sản phẩm được công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau. Đây là một trong các hoạt động quan trọng của ngành phục vụ cho chính sách chất lượng của Trường là *'không ngừng cải tiến chất lượng đào tạo trên cơ sở đổi mới chương trình đào tạo, nội dung giáo dục, phương pháp dạy học và tạo điều kiện tốt nhất cho người học; nâng cao hiệu quả của hệ thống đảm bảo chất lượng (ĐBCL) và tham gia kiểm định chất lượng định kì'*.

Với lịch sử phát triển lâu năm của Trường và truyền thống đào tạo sư phạm của Trường và Khoa, Ngành LL&PPDH bộ môn tiếng Anh đã và đang tiếp tục vận động, đổi mới, cập nhật với xu hướng của thời đại, đặc biệt là cuộc cách mạng kỹ thuật số và chiến lược xây dựng trường đại học thông minh mà nhà trường đang xây dựng. Trong các năm gần đây, Ngành hướng tới các mục tiêu kiểm định quốc tế và ứng dụng CNTT một cách sâu rộng hơn trong quản lý học vụ và đào tạo. Chính vì vậy, người học sẽ có cơ hội được học theo CTĐT đạt chuẩn quốc tế, phát triển kỹ năng và tư duy kỹ thuật số, hình thành các tố chất của người lãnh đạo và hòa nhập với thế giới.

1.3.2 Thông tin liên hệ

Địa chỉ: Khoa Sư Phạm Ngoại Ngữ, tầng 1 nhà A0, cơ sở 1 Trường Đại học Vinh, số 182 Lê Duẩn, Vinh, Nghệ An

Số điện thoại: 02383 855452

Địa chỉ email: khoaspnn@gmail.com

Website: <http://khoaspnn.vinhuni.edu.vn/>

PHẦN 2. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1 Thông tin chung

Tên ngành đào tạo (Tiếng Việt) (Tiếng Anh)	Thạc sĩ LL&PPDH bộ môn tiếng Anh MA in Teaching English to Speakers of Other Languages (TESOL)
Mã ngành đào tạo	8.14.01.11
Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
Thời gian đào tạo	2 năm
Tên văn bằng tốt nghiệp	Thạc sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh
Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo	Khoa Sư Phạm Ngoại Ngữ
Hình thức đào tạo	Tập trung
Số tín chỉ yêu cầu	
Thang điểm	10
Ngôn ngữ sử dụng	Tiếng Anh
Ngày tháng ban hành	
Phiên bản chỉnh sửa	2023

2.2 Mục tiêu chương trình đào tạo

2.2.1 Mục tiêu tổng quát

Chương trình thạc sĩ LL&PPDH Tiếng Anh cung cấp cho học viên các kiến thức chung về triết học, quản trị, quản lý và kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ học ứng dụng và lý luận dạy học Tiếng Anh (TESOL) đồng thời giúp người học phát triển các kỹ năng, phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp cần thiết để trở thành những người định hướng và dẫn dắt trong lĩnh vực giáo dục Tiếng Anh.

2.2.2 Mục tiêu cụ thể định hướng nghiên cứu

TT	Mục tiêu
PO1	Liên hệ các kiến thức chung về triết học, quản lý, quản trị và kiến thức chuyên sâu của ngành ngôn ngữ học ứng dụng và chuyên ngành TESOL để thực hiện các hoạt động nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh
PO2	Sử dụng các kỹ năng, phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp để thực hiện và cải tiến hoạt động chuyên môn và thể hiện trách nhiệm, đạo đức của nhà giáo-nhà nghiên cứu
PO3	Định hướng và dẫn dắt nhóm chuyên môn, hợp tác và giao tiếp hiệu quả trong lĩnh vực nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh
PO4	Định hướng nghiên cứu: Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và công bố công trình nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực dạy học Tiếng Anh

Định hướng ứng dụng: Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành chương trình dạy học Tiếng Anh

2.3 Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Sau khi tốt nghiệp, người học có thể:

TT	Mô tả chủ đề CDR của CTĐT
PLO1.1	Liên hệ các kiến thức chung về triết học, quản lý, quản trị và kiến thức chuyên sâu về ngành ngôn ngữ học ứng dụng để nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh
PLO1.2	Tổng hợp các kiến thức chuyên sâu của ngành TESOL để thực hiện các hoạt động nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh
PLO2.1	Vận dụng các kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp trong các hoạt động nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh
PLO2.2	Thể hiện trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp trong các hoạt động nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh
PLO3.1	Định hướng, dẫn dắt nhóm chuyên môn và hợp tác hiệu quả trong lĩnh vực nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh
PLO3.2	Giao tiếp hiệu quả với các bên liên quan trong lĩnh vực nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh
PLO4.1	Định hướng nghiên cứu: Phân tích bối cảnh thực hiện các nghiên cứu khoa học trong đến lĩnh vực dạy học tiếng Anh
	Định hướng ứng dụng: Phân tích bối cảnh liên quan đến việc dạy học Tiếng Anh
PLO4.2	Định hướng nghiên cứu: Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và công bố công trình nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực dạy học tiếng Anh
	Định hướng ứng dụng: Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành chương trình dạy học Tiếng Anh

Mối quan hệ giữa mục tiêu CTĐT và các chủ đề CDR của CTĐT được mô tả trong Bảng 2.1.

Bảng 2.1 Mối quan hệ giữa mục tiêu của CTĐT và các chủ đề CDR của CTĐT

	Chủ đề CDR của CTĐT							
	PLO1.1	PLO1.2	PLO2.1	PLO2.2	PLO3.1	PLO3.2	PLO4.1	PLO4.2
PO1	✓	✓						
PO2			✓	✓				
PO3					✓	✓		
PO4							✓	✓

2.4 Định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp thạc sĩ ngành TESOL, người học có thể học tiếp lên bậc tiến sĩ ngành TESOL hoặc Ngôn ngữ Anh để đạt được các học vị cao hơn hoặc đảm nhận các vị trí công tác như sau:

- giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng, phổ thông, và các trung tâm ngoại ngữ
- chuyên gia nghiên cứu tại các viện nghiên cứu giáo dục
- quản lý bộ môn tiếng Anh tại các trường phổ thông
- quản lý đào tạo ở các trung tâm ngoại ngữ
- chuyên gia tư vấn giáo dục tại các tổ chức giáo dục, đặc biệt là có yếu tố nước ngoài
- nhà biên soạn sách và tư liệu dạy học tiếng Anh
- chuyên gia thiết kế đề thi và chấm thi tại các trung tâm Kiểm định

2.5 Tuyển sinh

CTĐT trình độ thạc sĩ LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh tuyển sinh đầu vào được căn cứ theo Quyết định Số 2592/QĐ-ĐHV ngày 02/11/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐH Vinh ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường ĐH Vinh.

2.5.1 Đối tượng và điều kiện dự tuyển

a) Yêu cầu đối với người dự tuyển

- Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp ĐH (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp, ngành gần hoặc ngành khác trong danh mục được công bố của ngành LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh.
- Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
- Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành và theo quy định của CTĐT.

b) Ngành phù hợp và ngành khác

Danh mục ngành phù hợp (thí sinh không phải học bổ sung) và ngành khác với ngành thi tuyển (thí sinh phải học các học phần bổ sung) của ngành LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh cụ thể như sau:

Ngành phù hợp	Ngành khác với ngành phù hợp	Tên học phần bổ sung	Số tín chỉ
NHÓM I (học bổ sung 3 học phần)			
SP Tiếng Anh			
Ngôn ngữ Anh (có chứng chỉ NVSP)	Ngôn ngữ Anh (không có chứng chỉ NVSP)	(1) Lý luận và PPDH dạy học bộ môn Tiếng Anh	3
		(2) Kỹ thuật giảng dạy Tiếng Anh 1	3

	(3) Kiểm tra đánh giá ngôn ngữ	3
NHÓM II (học bổ sung 7 học phần hoặc 4 học phần từ 3-6 nếu có chứng chỉ Tiếng Anh tương đương IELTS 6.5 trở lên)		
Sư phạm Tiếng Nga	(1) Nghe Nói tiếng Anh nâng cao	3
Sư phạm Tiếng Pháp	(2) Đọc Viết Tiếng Anh nâng cao	3
Sư phạm Tiếng Trung	(3) Lý luận và PPDH dạy học bộ môn Tiếng Anh	3
Sư phạm Tiếng Đức	(4) Kỹ thuật giảng dạy Tiếng Anh	3
Sư phạm Tiếng Hàn	(5) Kiểm tra đánh giá ngôn ngữ	3
Sư phạm Tiếng Nhật	(6) Xây dựng chương trình và phát triển học liệu	3
	(7) Viết khoa học	3

2.5.2 Đối tượng và chính sách ưu tiên

a) Đối tượng ưu tiên

- Ứng viên có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế xét tuyển ĐH, cao đẳng hệ chính quy của năm tuyển sinh.
- Ứng viên là thương binh hoặc người hưởng chính sách như thương binh; con liệt sĩ; anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động; người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương.
- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

b) Mức ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên trên được cộng 01 điểm (trên thang điểm 10) vào kết quả thi.

2.5.3 Thời gian, phương thức, địa điểm và chỉ tiêu tuyển sinh

a) Thời gian tuyển sinh

Hàng năm, căn cứ vào chỉ tiêu tuyển sinh và nhu cầu của người học, Nhà trường tổ chức tuyển sinh từ 2 đến 3 lần.

b) Phương thức tuyển sinh

Bao gồm thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển. Việc tuyển sinh trực tuyển được tổ chức khi đáp ứng những điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định.

c) Địa điểm tuyển sinh

Tuyển sinh tại Trường ĐH Vinh và các địa điểm khác được Bộ GD&ĐT cho phép.

d) Chỉ tiêu tuyển sinh

Chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm được xác định trên cơ sở năng lực đào tạo và mức độ đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng của ngành LL&PPDH bộ môn Toán.

2.5.4 Các môn thi tuyển và xét tuyển

- Các môn thi tuyển, xét tuyển bao gồm ba môn: (i) Môn cơ bản (Đại số); (ii) Môn cơ sở (Giải tích); (iii) Ngoại ngữ (Tiếng Anh).
- Chuẩn đầu vào môn ngoại ngữ được quy định tại mục 2.5.1 của tài liệu này.
- Mỗi môn thi tuyển, xét tuyển có thể kiểm tra kiến thức một môn học hoặc tích hợp kiến thức một số môn học của trình độ ĐH.

2.5.5 Điều kiện trúng tuyển

- Thí sinh thuộc diện trúng tuyển phải đạt chuẩn đầu vào môn ngoại ngữ và đạt ít nhất 50% số điểm của thang điểm đối với mỗi môn thi, xét tuyển (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có).
- Căn cứ vào chỉ tiêu đã được thông báo, mức độ đáp ứng chuẩn đầu vào môn ngoại ngữ và tổng điểm hai môn thi, xét tuyển của từng thí sinh, hội đồng tuyển sinh Trường ĐH Vinh xác định phương án điểm trúng tuyển.
- Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm hai môn thi, xét tuyển thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau: (i) Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới; (ii) Người có điểm cao hơn của môn cơ sở.

2.6 Công nhận tốt nghiệp

a) Điều kiện được bảo vệ luận văn/đồ án

Điều kiện được bảo vệ luận văn/đồ án bao gồm: (i) Đã hoàn thành tất cả các học phần của CTĐT; (ii) Đã nộp luận văn/đồ án và được người hướng dẫn đồng ý cho bảo vệ; và (iii) Đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính và các yêu cầu khác theo quy định của Trường ĐH Vinh.

b) Điều kiện được công nhận tốt nghiệp

- Đã hoàn thành các học phần của CTĐT và bảo vệ luận văn/đồ án đạt yêu cầu.
- Có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo CDR của CTĐT trước thời điểm xét tốt nghiệp.
- Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của Trường ĐH Vinh; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.

2.7 Nghỉ học tạm thời, thôi học

- Học viên được phép nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau: (i) Được điều động vào lực lượng vũ trang; (ii) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác của quốc gia, của ngành; (iii) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ sở khám, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế; (iv) Vì lý do

cá nhân khác nhưng phải hoàn thành ít nhất một học kỳ ở cơ sở đào tạo và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

- Học viên được Nhà trường quyết định cho thôi học vì lý do cá nhân, trừ trường hợp đang bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

- Điều kiện, thẩm quyền, thủ tục xét nghỉ học tạm thời, tiếp nhận trở lại học tập và cho thôi học; việc bảo lưu và chứng nhận kết quả học tập đã tích lũy đối với học viên xin thôi học được thực hiện theo các quy định hiện hành.

2.8 Các dịch vụ hỗ trợ người học

CTĐT trình độ thạc sĩ LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh được hỗ trợ bởi đội ngũ cán bộ làm việc tại Khoa Sư Phạm Ngoại Ngữ, các Phòng ban và Trung tâm, cụ thể như mô tả trong Bảng 2.8 dưới đây.

Bảng 2.8 Các dịch vụ hỗ trợ người học

Viện/Phòng/Trung tâm	Hỗ trợ học viên
1. Cán bộ hỗ trợ cấp Trường Sư phạm	
Cán bộ quản lý sinh viên, học viên	- Quản lý hồ sơ của học viên. - Liên lạc với học viên khi có các yêu cầu từ Nhà trường.
Cán bộ văn phòng	- Quản lý điểm của học viên.
Cán bộ phụ trách CTĐT Thạc sĩ	- Hỗ trợ thông tin về CTĐT, thời khóa biểu học tập. - Giải quyết các yêu cầu của học viên liên quan đến CTĐT.
2. Cán bộ hỗ trợ cấp Trường	
Phòng Đào tạo Sau ĐH	- Thu nhận hồ sơ dự tuyển đầu vào. - Cung cấp thông tin và các quy định liên quan đến học viên trong quá trình học tập.
Phòng Công tác Chính trị và HS-SV	- Quản lý, hỗ trợ học viên về các chính sách liên quan đến học viên.
Phòng Kế hoạch - Tài chính	- Hỗ trợ các vấn đề liên quan đến học phí của học viên.
Trung tâm Đảm bảo chất lượng	- Quản lý điểm của học viên, các quy định liên quan đến đánh giá điểm của học viên.
Trung tâm Công nghệ thông tin	- Hỗ trợ về quản lý tài khoản học tập của học viên. - Hỗ trợ về các vấn đề liên quan đến học trực tuyến của học viên.
Thư viện	- Hỗ trợ học viên về học liệu học tập và quản lý quá trình in ấn và lưu trữ luận văn của học viên.
Trung tâm Nội trú	- Hỗ trợ về ký túc xá cho học viên.
Trạm Y tế	- Hỗ trợ về y tế cho học viên.

PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

3.1 Tổng quan về CTDH

CTDH của ngành LL&PPDH bộ môn tiếng Anh định hướng nghiên cứu bao gồm 04 hợp phần: Khối kiến thức chung, Khối kiến thức cơ sở, Khối kiến thức chuyên ngành và Luận văn.

CTDH của ngành LL&PPDH bộ môn tiếng Anh định hướng ứng dụng bao gồm 05 hợp phần: Khối kiến thức chung, Khối kiến thức cơ sở, Khối kiến thức chuyên ngành, Thực tập và Đồ án tốt nghiệp.

- Khối kiến thức chung bao gồm hai học phần là Triết học (4 tín chỉ) và Ngoại ngữ 2 (3 tín chỉ).
- Khối kiến thức cơ sở gồm 04 học phần bắt buộc (12 tín chỉ) và 04 học phần tự chọn (12 tín chỉ). Các học phần này nhằm trang bị cho người học kiến thức nền tảng về tiếp thu ngôn ngữ, đường hướng và phương pháp dạy học tiếng Anh, viết học thuật, ứng dụng CNTT trong dạy học ngoại ngữ và các lý thuyết về ngôn ngữ và dạy học ngôn ngữ.
- Khối kiến thức chuyên ngành gồm 03 học phần bắt buộc (9 tín chỉ) và 02 học phần tự chọn (6 tín chỉ). Các học phần này nhằm cung cấp cho người học các lý thuyết và kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành LL&PPDH bộ môn tiếng Anh như kỹ thuật dạy học tiếng Anh; kiểm tra đánh giá trong dạy học tiếng Anh; tổng quan nghiên cứu trong lĩnh vực dạy học tiếng Anh; chính sách và thực tiễn giảng dạy tiếng Anh (đối với định hướng nghiên cứu); dạy học tích hợp ngôn ngữ và kiến thức; và giảng dạy Tiếng Anh chuyên ngành (đối với định hướng ứng dụng).
- Luận văn (đối với định hướng nghiên cứu) chiếm 15 tín chỉ và là một báo cáo chuyên đề kết quả nghiên cứu giải quyết một vấn đề đặt ra hoặc báo cáo kết quả tổ chức, triển khai áp dụng một nghiên cứu lý thuyết, một mô hình mới trong chuyên ngành.
- Thực tập (đối với định hướng ứng dụng) chiếm 06 tín chỉ và là chuyên đề yêu cầu người học thực hành, ứng dụng các kỹ thuật, phương pháp, đường hướng dạy học tại một đơn vị giáo dục và làm việc với nhà quản lý, giáo viên, học sinh ở đơn vị giáo dục để phát triển các kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp.
- Đồ án tốt nghiệp (đối với định hướng ứng dụng) chiếm 9 tín chỉ và là một báo cáo chuyên đề kết quả nghiên cứu giải quyết một vấn đề đặt ra hoặc báo cáo kết quả tổ chức, triển khai áp dụng một nghiên cứu lý thuyết, một mô hình mới trong chuyên ngành.

3.2 Chuẩn đầu ra CTĐT

Ký hiệu CDR	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Mức độ năng lực
1	Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành	
1.1	Kiến thức chung về triết học, quản lý, quản trị và kiến thức cơ	

Ký hiệu CDR	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Mức độ năng lực
	sở ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh	
1.1.1	Vận dụng các kiến thức chung về triết học, quản lý và quản trị trong nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh	2.5
1.1.2	Phân tích mối liên hệ giữa các lý thuyết về ngôn ngữ và tiếp thu ngôn ngữ với các lý thuyết dạy học Tiếng Anh	3.5
1.2	Kiến thức chuyên sâu ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh	
1.2.1	Phân tích các đường hướng, phương pháp, nguyên tắc dạy học và kiểm tra đánh giá Tiếng Anh để áp dụng trong bối cảnh giáo dục cụ thể	3.5
2	Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp	
2.1	Kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp	
2.1.1	Vận dụng kỹ năng tư duy phản biện và sáng tạo để giải quyết vấn đề trong nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh	2.5
2.1.2	Sử dụng CNTT một cách sáng tạo để thực hiện và cải tiến các hoạt động nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh	2.5
2.2	Phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp	
2.2.1	Tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh	3.5
2.2.2	Thích nghi và tự định hướng để phát triển trong môi trường giáo dục	3.5
3	Làm việc nhóm và giao tiếp	
3.1	Làm việc nhóm	
3.1.1	Định hướng và dẫn dắt nhóm chuyên môn để thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh	3.5
3.1.2	Hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong quá trình nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh	2.5
3.2	Giao tiếp	
3.2.1	Đa dạng hóa các hình thức giao tiếp để thực hiện hiệu quả các hoạt động nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh	2.5
3.2.2	Sử dụng ngoại ngữ thứ hai ở bậc 4/6 theo Khung Năng Lực Ngoại Ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam để cải tiến các hoạt động chuyên môn	2.5
4	Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành	
Định hướng nghiên cứu		

Ký hiệu CDR	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	Mức độ năng lực
4.1	Bối cảnh	
4.1.1	Phân tích bối cảnh thực hiện các nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực dạy học Tiếng Anh	3.5
4.2	Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành công trình nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực dạy học Tiếng Anh	
4.2.1	Hình thành ý tưởng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực dạy học Tiếng Anh	4.5
4.2.2	Thiết kế phương pháp và công cụ nghiên cứu để thực hiện ý tưởng nghiên cứu trong lĩnh vực dạy học Tiếng Anh	4.5
4.2.3	Thu thập và phân tích dữ liệu để rút ra kết luận khoa học trong lĩnh vực dạy học Tiếng Anh	4.5
4.2.4	Đánh giá và công bố kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực dạy học Tiếng Anh	4.5
Định hướng ứng dụng		
4.1	Bối cảnh	
4.1.1	Phân tích bối cảnh thực hiện chương trình dạy học Tiếng Anh	3.5
4.2	Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành công trình nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực dạy học Tiếng Anh	
4.2.1	Lựa chọn đường hướng và loại hình chương trình dạy học Tiếng Anh	4.5
4.2.2	Thiết kế nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá cho chương trình dạy học Tiếng Anh	4.5
4.2.3	Thực hiện chương trình dạy học Tiếng Anh	4.5
4.2.4	Đánh giá và phát triển chương trình dạy học Tiếng Anh	4.5

3.3 Khung chương trình dạy học

TT	Tên môn học	Số TC	Ghi chú
KIẾN THỨC CHUNG (2 MÔN)			
1	Triết học (Philosophy)	4	
2	Ngoại ngữ 2 (Foreign Language)	3	
KIẾN THỨC CƠ SỞ BẮT BUỘC (4 MÔN)			
3	CNTT trong dạy học ngoại ngữ	3	

TT	Tên môn học	Số TC	Ghi chú
	(Technology in English Language Teaching)		
4	Tiếp thu ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai (First and Second language Acquisition)	3	
5	Bình diện văn hóa trong dạy học Tiếng Anh (Cultural Issues in English Language Teaching)	3	
6	Viết khoa học (Academic writing)	3	
KIẾN THỨC CƠ SỞ TỰ CHỌN (4 MÔN)			
Tự chọn 1	Đường hướng và phương pháp giảng dạy Tiếng Anh (Approaches and Methods in English Language Teaching)	3	
Tự chọn 1	Lịch sử giảng dạy Tiếng Anh (History of English Language Teaching)	3	
Tự chọn 2	Ngữ dụng học (Pragmatics)	3	
Tự chọn 2	Phân tích diễn ngôn (Discourse Analysis)	3	
Tự chọn 3	Ngôn ngữ học đối chiếu (Contrastive Analysis)	3	
Tự chọn 3	Ngôn ngữ học ứng dụng (Applied Linguistics)	3	
Tự chọn 4	Ngôn ngữ học đại cương (General Linguistics)	3	
Tự chọn 4	Ngôn ngữ học tri nhận (Cognitive Linguistics)	3	
KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH BẮT BUỘC (3 MÔN)			
11	Giảng dạy ngữ liệu Tiếng Anh (Teaching the English Language Elements)	3	Đồ án
12	Giảng dạy kỹ năng Tiếng Anh (Teaching the English Language Skills)	3	Đồ án
13	Kiểm tra đánh giá trong dạy học Tiếng Anh (English Language Testing and Assessment)	3	Đồ án
KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH TỰ CHỌN (2 MÔN)			
Định hướng nghiên cứu			
Tự chọn 5	Phương pháp NCKH chuyên ngành Tiếng Anh (Research Methods in English Language Teaching)	3	Đồ án
Tự	Nghiên cứu khoa học trong ngành giáo dục	3	Đồ án

TT	Tên môn học	Số TC	Ghi chú
chọn 5	(Educational Research)		
Tự chọn 6	Xây dựng chương trình dạy học Tiếng Anh (English Language Curriculum Development)	3	Đồ án
Tự chọn 6	Lý thuyết, chính sách và thực tiễn giảng dạy Tiếng Anh (EFL Education: Theory, Policies and Practices)	3	Đồ án
LUẬN VĂN			
16	Luận văn (Graduation Thesis)	15	
Định hướng ứng dụng			
Tự chọn 5	Dạy học tích hợp ngôn ngữ và kiến thức (Content and Language Integrated Learning)	3	Đồ án
Tự chọn 5	Giảng dạy Tiếng Anh chuyên ngành (Teaching English for Specific Purposes)	3	Đồ án
Tự chọn 6	Phát triển tư liệu dạy học Tiếng Anh (Material Development in English Language Teaching)	3	Đồ án
Tự chọn 6	Thiết kế và phát triển bài dạy Tiếng Anh (EFL Instructional Design and Development)	3	Đồ án
THỰC TẬP VÀ ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP			
16	Thực tập (Internship)	6	
17	Đồ án tốt nghiệp (Graduation Project)	9	

3.4 Bảng phân nhiệm CDR CTĐT cho các học phần

3.4.1 Định hướng nghiên cứu

	PLO1.1		PLO1.2	PLO2.1		PLO2.2		PLO3.1		PLO3.2		PLO4.1	PLO4.2			
	1.1.1	1.1.2	1.2.1	2.1.1	2.1.2	2.2.1	2.2.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	4.1.1	4.2.1	4.2.2	4.2.3	4.2.4
	K	K	K	S	S	A	A	S	S	S	S	K	S	S	S	S
Triết học	2.5			2.5		2.5										
Ngoại ngữ 2								2.5	2.5		2.5					
CNTT trong dạy học NN	2.5				2.5									3.5	3.5	
Tiếp thu NNTN và NNTH		3.5	3.5		2.5	2.5										
Bình diện văn hóa trong dạy học TA		3.5					2.5					2.5				
Viết khoa học	2.5									2.5				3.5		3.5
Tự chọn 1			3.5									2.5	3.5			
Tự chọn 2		3.5					3.5	3.5	2.5							
Tự chọn 3		3.5					3.5	3.5	2.5							
Tự chọn 4		3.5							2.5	2.5		3.5				
Giảng dạy ngữ liệu TA			3.5	2.5				3.5					4.5	4.5	4.5	
Giảng dạy kỹ năng TA			3.5	2.5				3.5					4.5	4.5	4.5	
Kiểm tra đánh giá trong dạy học TA			3.5							2.5			4.5	4.5	4.5	
Tự chọn 5				2.5		3.5							4.5	4.5	4.5	4.5
Tự chọn 6			3.5		2.5							3.5	4.5	4.5		
Luận văn			3.5	2.5	2.5	3.5				2.5		3.5	4.5	4.5	4.5	4.5

Ghi chú viết tắt:

- K: Kiến thức, A: Thái độ, S: Kỹ năng
- CNTT: Công nghệ thông tin
- NN: Ngoại ngữ
- NNTN: Ngôn ngữ thứ nhất
- NNTH: Ngôn ngữ thứ hai
- TA: Tiếng Anh

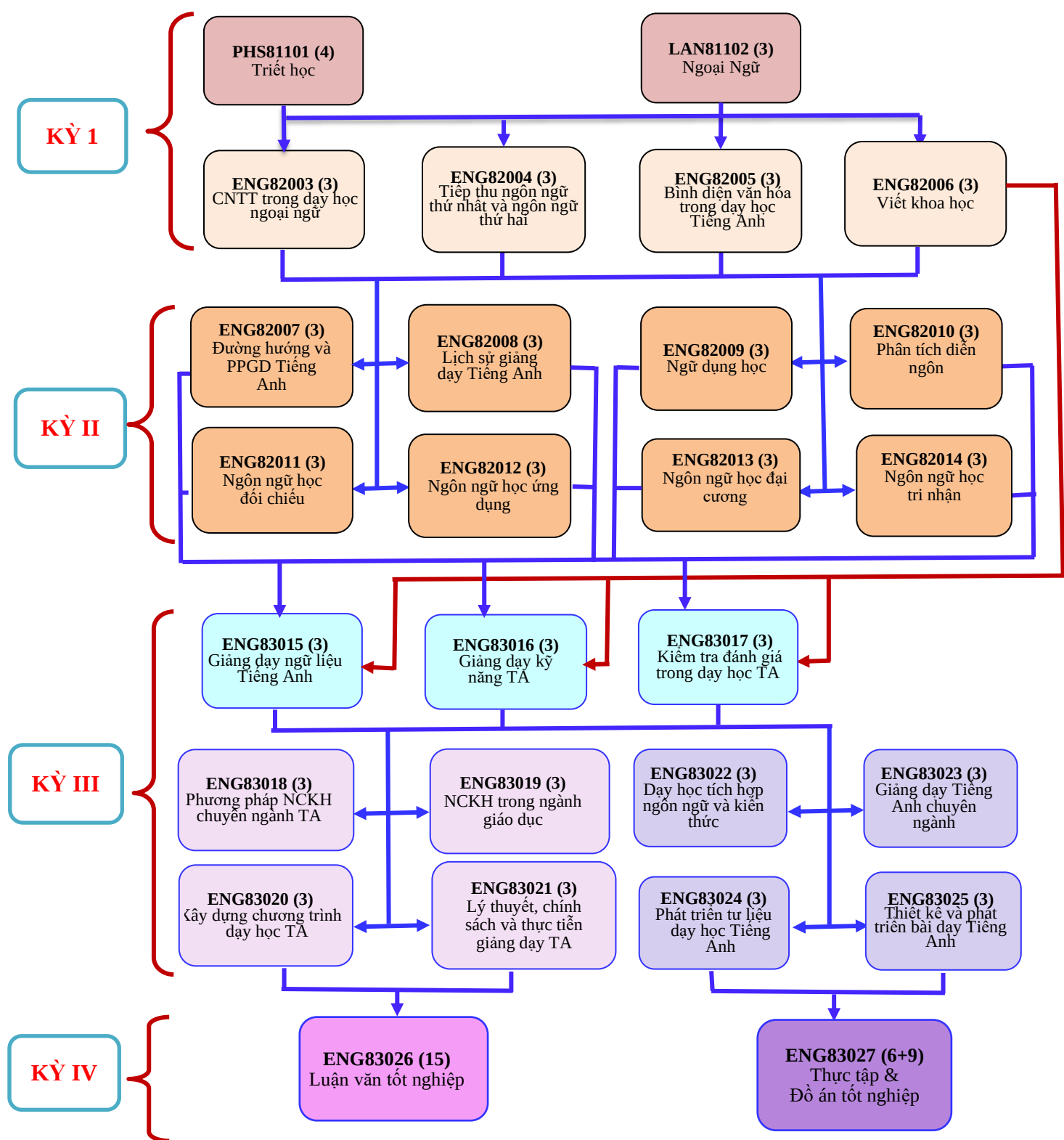
3.4.2 Định hướng ứng dụng

	PLO1.1		PLO1.2	PLO2.1		PLO2.2		PLO3.1		PLO3.2		PLO4.1	PLO4.2			
	1.1.1	1.1.2	1.2.1	2.1.1	2.1.2	2.2.1	2.2.2	3.1.1	3.1.2	3.2.1	3.2.2	4.1.1	4.2.1	4.2.2	4.2.3	4.2.4
	K	K	K	S	S	A	A	S	S	S	S	K	S	S	S	S
Triết học	2.5			2.5		2.5										
Ngoại ngữ 2								2.5	2.5		2.5					
CNTT trong dạy học NN	2.5				2.5									3.5	3.5	
Tiếp thu NNTN và NNTH		3.5	3.5		2.5	2.5										
Bình diện văn hóa trong dạy học TA		3.5					2.5					2.5				
Viết khoa học	2.5									2.5				3.5		3.5
Tự chọn 1			3.5									2.5	3.5			
Tự chọn 2		3.5					3.5	3.5	2.5							
Tự chọn 3		3.5					3.5	3.5	2.5							
Tự chọn 4		3.5							2.5	2.5		3.5				
Giảng dạy ngữ liệu TA			3.5	2.5				3.5					4.5	4.5	4.5	
Giảng dạy kỹ năng TA			3.5	2.5				3.5					4.5	4.5	4.5	
Kiểm tra đánh giá trong dạy học TA			3.5							2.5			4.5	4.5	4.5	
Tự chọn 5			3.5		2.5							3.5	4.5	4.5		4.5
Tự chọn 6			3.5			3.5						3.5	4.5	4.5		
Thực tập			3.5	2.5	2.5	3.5				2.5		3.5	4.5	4.5	4.5	4.5
Đồ án tốt nghiệp			3.5	2.5	2.5	3.5				2.5		3.5	4.5	4.5	4.5	4.5

Ghi chú viết tắt:

- K: Kiến thức, A: Thái độ, S: Kỹ năng
- CNTT: Công nghệ thông tin
- NN: Ngoại ngữ
- NNTN: Ngôn ngữ thứ nhất
- NNTH: Ngôn ngữ thứ hai

3.5 Sơ đồ cấu trúc và trình tự dạy học



- | | |
|---|---|
| HP thuộc khối kiến thức chung | HP thuộc khối kiến thức CN (hướng U'D: chọn 2/4 HP) |
| HP thuộc khối kiến thức cơ sở ngành (bắt buộc) | Luận văn (định hướng nghiên cứu) |
| HP thuộc khối kiến thức cơ sở ngành (tự chọn: 4/8 HP) | Thực tập & Đồ án TN (định hướng ứng dụng) |
| HP thuộc khối kiến thức chuyên ngành (bắt buộc) | Môn học tiên quyết |
| HP thuộc khối kiến thức chuyên ngành (hướng NC chọn 2/4 HP) | Môn học trước |

3.6 Phương pháp giảng dạy và học tập

CTĐT ngành LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh được thực hiện theo hình thức blended learning, với khoảng 30% thời lượng học online và 70% thời lượng học trực tiếp tương tác thầy-trò. Học viên tự học dưới sự hướng dẫn của giảng viên một số học phần/nội dung trước khi tham gia học trực tiếp với giảng viên. Ngoài ra, hình thức dạy học flipped learning cũng được sử dụng để tối đa hóa hiệu quả học tập. Đây là hình thức dạy học yêu cầu người học nghiên cứu tài liệu, tìm hiểu vấn đề trước khi lên lớp và sau đó thảo luận sâu hơn về chủ đề cũng như tương tác với bạn học và giảng viên để phát triển các năng lực bậc cao.

Khoảng 30% khối lượng tín chỉ của CTĐT này sử dụng hình thức dạy học dự án. Đây là hình thức dạy học hướng tới phát triển kiến thức và kỹ năng thông qua việc thực hiện các dự án xoay quanh một vấn đề/thách thức mà người học có thể gặp phải trong thực tế. Theo đó, người học tích cực và chủ động khám phá kiến thức để giải quyết vấn đề, từ đó phát triển các kỹ năng cá nhân và nghề nghiệp. Dạy học dự án cho phép người học thiết kế, lên kế hoạch, quản lý, đánh giá dự án, và do đó, rèn luyện nhiều kỹ năng cần thiết cho thế giới nghề nghiệp.

Ngoài dạy học dự án, các học phần trong CTĐT khác sử dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực như giải quyết vấn đề, nghiên cứu tình huống, minh họa, thực hành, tranh luận, đóng vai, học thông qua dạy.

3.7 Phương pháp kiểm tra đánh giá

Các học phần trong CTĐT ngành LL&PPDH bộ môn tiếng Anh sử dụng nhiều phương pháp và công cụ đánh giá khác nhau, tùy vào tính chất của CĐR. Một số phương pháp đánh giá chính bao gồm thuyết trình, bài tập lớn, dự án, và dạy thử. Các công cụ đánh giá có thể là rubric, bảng checklist, hoặc bảng đánh giá theo cặp.

Hình thức đánh giá chiếm nhiều tín chỉ nhất trong CTĐT là luận văn tốt nghiệp (15 tín chỉ). Sau khi kết thúc việc học các học phần, học viên được hướng dẫn lập đề cương nghiên cứu để chuẩn bị cho việc thực hiện luận văn tốt nghiệp. Dưới sự hỗ trợ và dẫn dắt của giáo viên hướng dẫn, học viên thực hiện nghiên cứu và viết luận văn trong 06 tháng. Việc tổ chức bảo vệ luận văn thạc sĩ cho toàn bộ các học viên được thực hiện trong khoảng thời gian chậm nhất là 24 tháng kể từ ngày nhập học.

3.8 Mô tả tóm tắt các học phần trong CTDH

1. Triết học
Học phần này thuộc khối kiến thức chung bắt buộc. Học phần cung cấp cho người học kiến thức về Triết học Mác-Lênin một cách có hệ thống giúp người học phân tích vị trí và vai trò của con người trong thế giới, mối quan hệ giữa con người với thế giới khách quan, từ đó phát triển các phương pháp luận khoa học để phân tích xu hướng phát triển của xã hội trong điều

kiến cách mạng khoa học công nghệ hiện đại, trang bị những kỹ năng cần thiết trong nhận thức và hoạt động thực tiễn, đồng thời củng cố thể giới quan duy vật biện chứng và áp dụng trong công tác nghiên cứu, giảng dạy Tiếng Anh.

2. Ngoại ngữ 2 (Tiếng Pháp)

Học phần này thuộc khối kiến thức chung bắt buộc. Học phần giúp người học củng cố kiến thức từ vựng, ngữ pháp và phát âm của ngoại ngữ 2 (Tiếng Pháp) và rèn luyện các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết bằng Tiếng Pháp. Thông qua việc thực hành, người học phát triển năng lực giao tiếp bằng ngoại ngữ thứ hai (ngoài Tiếng Anh) để có thể đạt năng lực tương đương với bậc 2 trong Khung năng lực ngoại ngữ dùng cho Việt Nam.

3. Công nghệ thông tin trong dạy học ngoại ngữ

Công nghệ thông tin trong dạy học ngoại ngữ là học phần chuyên ngành bắt buộc, trang bị kiến thức tổng quát về quá trình tiếp thu ngôn ngữ, làm cơ sở cho các môn chuyên ngành tiếp theo. Học phần cung cấp cho học viên kiến thức lý luận và thực tiễn về việc sử dụng các phương tiện kỹ thuật trong dạy học ngoại ngữ ở trường phổ thông và chức năng, công dụng của các phương tiện kỹ thuật; trang bị cho học viên những kỹ năng và thủ thuật sử dụng các công cụ, nền tảng khác nhau trong dạy học ngoại ngữ.

4. Tiếp thu ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai

Đây là học phần chuyên ngành bắt buộc thuộc chuyên ngành LL&PPDH bộ môn tiếng Anh, trang bị kiến thức tổng quát về quá trình tiếp thu ngôn ngữ, làm cơ sở cho các môn chuyên ngành tiếp theo. Nội dung học phần gồm 06 chương được thực hiện với 3 tín chỉ, tập trung vào các vấn đề lý thuyết tiếp thu ngôn ngữ thứ nhất và tiếp thu ngôn ngữ thứ hai bao gồm Thuyết Hành vi, Thuyết tri nhận, Thuyết tương tác xã hội. Ngoài ra học phần trang bị cho người học kiến thức về các yếu tố ảnh hưởng đến việc tiếp thu ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai/ngoại ngữ như yếu tố tuổi tác, yếu tố tâm lý, yếu tố văn hóa-xã hội.

5. Bình diện văn hóa trong dạy học Tiếng Anh

Đây là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở bắt buộc của chuyên ngành. Học phần trang bị cho người học kiến thức về các bình diện nội ngôn, cận ngôn và ngoại ngôn thể hiện trong giao tiếp giao văn hoá và nội văn hoá. Học phần chú trọng ngữ dụng học giao văn hoá với các bình diện phạm trù như lịch sự, trực tiếp-gián tiếp, mô hình tư duy văn hoá, quyền lực thể hiện trong giao tiếp. Dựa trên những nguyên tắc giao tiếp giao văn hóa, học viên có thể thiết kế các hoạt động để khai thác hiệu quả bình diện văn hóa trong dạy học tiếng Anh.

6. Viết khoa học

Viết khoa học là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở bắt buộc trong CTĐT. Học phần này trang bị cho học viên kiến thức chuyên sâu về viết khoa học; xây dựng ý tưởng nghiên cứu khoa học và cách thức, chiến lược viết khoa học; phát triển các kỹ năng và kỹ thuật viết khoa học nhằm thực hiện hiệu quả diễn ngôn về kết quả nghiên cứu, bao gồm cách viết các câu và đoạn văn tường minh, lô gíc, cách viết bài báo khoa học, đề cương nghiên cứu và luận văn; đánh giá, cải tiến các sản phẩm viết học thuật, viết khoa học.

7. Đường hướng và phương pháp giảng dạy Tiếng Anh

Đây là học phần tự chọn trong chương trình dạy học. Học phần tập trung vào các đường hướng và phương pháp giảng dạy tiếng Anh, trong đó đặc biệt khai thác sâu các phương pháp phổ biến như Grammar Translation, Audiolingual, Total Physical Response, The Direct Method, the Silent Way, Community Language Learning, và Communicative Language Teaching. Môn học khai thác lý luận về đường hướng và phương pháp dạy học tiếng Anh với mức độ sâu và bao quát hơn chương trình ở bậc đại học.

8. Lịch sử giảng dạy Tiếng Anh

Học phần này thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn. Học phần giúp người học hiểu về lịch sử hình thành và phát triển của việc dạy ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng. Học phần tập trung thảo luận về bối cảnh xuất hiện của các phương pháp và xu hướng giảng dạy Tiếng Anh phổ biến cũng như ảnh hưởng của xã hội đối với việc dạy Tiếng Anh. Từ đó, người học hình thành kỹ năng phân tích bối cảnh kinh tế, xã hội, giáo dục để lựa chọn đường hướng và phương pháp dạy học Tiếng Anh phù hợp và hiệu quả.

9. Ngữ dụng học

Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở tự chọn của chuyên ngành. Học phần giúp người học hình thành kỹ năng phân tích văn bản, diễn giải nghĩa của phát ngôn trong ngữ cảnh cụ thể, nhằm đạt hiệu quả cao trong giao tiếp. Nội dung học phần tập trung nghiên cứu việc hành chức của ngôn ngữ trong thực tế sử dụng, các phương pháp cụ thể để phân tích ngôn ngữ tiên tiến đang thịnh hành và được áp dụng trong nghiên cứu và giảng dạy tiếng Anh và các kiến thức cơ bản về các trường phái ngôn ngữ tiên tiến đang thịnh hành.

10. Phân tích diễn ngôn

Đây là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở tự chọn của chuyên ngành. Học phần trình bày những vấn đề cơ bản về lý luận và thực tiễn của ngôn bản và phân tích ngôn bản, đồng thời nêu lên vai trò của phân tích ngôn bản trong giảng dạy và học tập ngôn ngữ nói chung cũng như việc dạy học ngoại ngữ nói riêng, giúp người học phân tích các ngôn bản cụ thể và nhận thức rõ vai trò của kiến thức nền trong phân tích ngôn bản cũng như áp dụng các kiến thức diễn ngôn trong dạy học Tiếng Anh.

11. Ngôn ngữ học ứng dụng

Học phần này thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn. Học phần tập trung giúp người học rèn luyện kỹ năng khai thác, khảo sát ngôn ngữ từ góc độ của khoa học xã hội như xã hội học, nhân chủng học, và giảng dạy ngôn ngữ. Học phần cung cấp cho người học những khái niệm, các vấn đề có liên quan đến việc nghiên cứu việc học tập và giảng dạy ngôn ngữ, các chính sách ngôn ngữ, mối quan hệ giữa ngôn ngữ và giai cấp, chính sách ngôn ngữ và các nét tương đồng/dị biệt trong một số ngôn ngữ, đặc biệt là giữa Tiếng Anh và Tiếng Việt.

12. Ngôn ngữ học đối chiếu

Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở tự chọn của chuyên ngành. Học phần trang bị cho người học những khái niệm về phân tích đối chiếu ngôn ngữ như cơ sở của phân tích đối chiếu, cơ sở tâm lý học của việc đối chiếu ngôn ngữ, khái niệm phân tích, đối chiếu ngôn ngữ trên phương diện vi mô và vĩ mô. Người học được rèn luyện kỹ năng phân tích đối chiếu các

bộ phận ngôn ngữ để nhận biết những điểm giống nhau và khác nhau của các ngôn ngữ, đặc biệt là so sánh đối chiếu giữa Tiếng Anh và Tiếng Việt, nhằm ứng dụng vào việc nghiên cứu, công tác biên phiên dịch, cũng như giảng dạy Tiếng Anh.

13. Ngôn ngữ học đại cương

Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở tự chọn của chuyên ngành. Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ như bản chất, chức năng của ngôn ngữ và lời nói, hoạt động lời nói, ngôn ngữ và giao tiếp, các trường phái nghiên cứu ngôn ngữ, liên ngôn ngữ, và ngữ vực. Bên cạnh đó, người học cũng được cung cấp một số khái niệm và thuật ngữ mới trong các lý thuyết về ngôn ngữ hiện đại, các khuynh hướng nghiên cứu ngôn ngữ và lời nói, từ đó hình thành kỹ năng vận dụng các nguyên lý về ngôn ngữ và hoạt động lời nói trong nghiên cứu, dạy học tiếng Anh.

14. Ngôn ngữ học tri nhận

Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở tự chọn của chuyên ngành. Học phần được cấu trúc theo 03 chương, trang bị cho học viên những khái niệm cơ bản về nghiên cứu ngôn ngữ dưới ánh sáng của nhận thức luận như không gian tinh thần, ẩn dụ, hoán dụ, lý thuyết điển mẫu, mô hình tri nhận lý tưởng và vấn đề phạm trù hóa trong ngôn ngữ. Ngoài ra, các vấn đề thụ đắc ngôn ngữ, dịch thuật, ngữ dụng, ngữ pháp, ngôn ngữ và văn hoá cũng được thảo luận và nghiên cứu trong học phần nhằm giúp người học áp dụng kiến thức về ngôn ngữ học tri nhận trong dạy học Tiếng Anh.

15. Giảng dạy ngữ liệu Tiếng Anh

Học phần này thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc thuộc trong chương trình. Học phần giúp học viên phát triển các kỹ năng dạy học ngữ liệu tiếng Anh, bao gồm từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, và phát triển kiến thức chuyên sâu về phương pháp và kỹ thuật giảng dạy ngữ liệu. Nội dung học phần gồm 03 chương được thực hiện với 3 tín chỉ, tập trung vào nguyên tắc, quy trình, hoạt động dạy học từ vựng, ngữ pháp và ngữ âm tiếng Anh nhằm giúp người học phát triển kỹ năng dạy học và đánh giá các hoạt động giảng dạy từ vựng, ngữ pháp và phát âm.

16. Giảng dạy kỹ năng Tiếng Anh

Đây là học phần chuyên ngành bắt buộc trong CTĐT. Học phần giúp học viên phát triển kiến thức chuyên sâu về phương pháp và kỹ thuật giảng dạy kỹ năng ngôn ngữ. Nội dung học phần gồm 05 chương được thực hiện với 3 tín chỉ, tập trung vào nguyên tắc, quy trình, hoạt động dạy học cho các bài học kỹ năng tiếng Anh nhằm giúp người học nắm vững các kiến thức chuyên sâu và phát triển năng lực thiết kế và triển khai bài dạy kỹ năng, đồng thời đánh giá hoạt động giảng dạy kỹ năng tiếng Anh của bản thân và đồng nghiệp.

17. Kiểm tra đánh giá trong dạy học Tiếng Anh

Đây là học phần chuyên ngành bắt buộc trong CTĐT. Nội dung môn học này gồm 8 chương, được thực hiện trong 3 tín chỉ, tập trung giới thiệu khái quát kiểm tra đánh giá ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng, tìm hiểu về quy trình và nguyên tắc trong việc thiết kế các bài kiểm tra, đánh giá, áp dụng các kiến thức được trang bị để phân tích và thiết kế các bài kiểm

tra đánh giá trong thực tiễn giảng dạy. Học phần này còn chú trọng đến việc phân tích các phương pháp đánh giá tích cực theo hướng đổi mới chương trình được thực hiện theo Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020.

18. Phương pháp NCKH chuyên ngành Tiếng Anh (định hướng nghiên cứu)

Học phần này thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn của chương trình và được thiết kế bao gồm cả phần lý thuyết (30 tiết) và thực hành (15 tiết). Các kiến thức về các kiến thức nghiên cứu khoa học sẽ được cung cấp ở phần lý thuyết và phần thực hành sẽ tạo cơ hội cho học viên áp dụng các kiến thức đã học để phát triển đề cương nghiên cứu phục vụ cho luận văn cuối khóa. Bên cạnh đó, các hoạt động thực hành cũng được thiết kế giúp cho sinh viên phát triển được các kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng tự nghiên cứu một cách hiệu quả.

19. Nghiên cứu trong khoa học giáo dục (định hướng nghiên cứu)

Học phần này thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn trong CTĐT. Học phần trang bị cho người học các kiến thức về phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học giáo dục. Các hoạt động dạy-học trong học phần sẽ giúp người học nắm được các nguyên tắc cơ bản để thực hiện một nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giảng dạy Tiếng Anh, đồng thời giúp người học củng cố các giá trị đạo đức trong nghiên cứu và dạy học, phát triển kỹ năng hình thành ý tưởng nghiên cứu, thiết kế công cụ, triển khai lấy số liệu, phân tích số liệu và rút ra các kết luận khoa học.

20. Xây dựng chương trình dạy học Tiếng Anh (định hướng nghiên cứu)

Đây là học phần chuyên ngành tự chọn trong CTĐT. Học phần tập trung vào các vấn đề lý luận trong thiết kế chương trình, các nguyên lý và quy trình khi xây dựng chương trình. Người học sẽ được trang bị cơ sở lý luận phục vụ cho việc thiết kế chương trình môn học và các kiến thức về chương trình dạy học tiếng Anh. Ngoài ra, người học được thực hành các bước thiết kế chương trình và thảo luận các vấn đề cần quan tâm khi phát triển chương trình và sử dụng tài liệu dùng cho dạy học ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng.

21. Lý thuyết, chính sách và thực tiễn giảng dạy Tiếng Anh (định hướng nghiên cứu)

Học phần này thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn. Học phần trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về các lý thuyết giảng dạy Tiếng Anh, các chính sách giảng dạy Tiếng Anh và mối liên hệ giữa chúng với thực tiễn giảng dạy Tiếng Anh. Thông qua các hoạt động nghiên cứu tình huống, người học phát triển kỹ năng phân tích và đánh giá ảnh hưởng của chính sách đối với thực tế dạy học Tiếng Anh, từ đó, hình thành ý tưởng và đề xuất thay đổi liên quan đến chính sách để cải tiến chất lượng dạy học Tiếng Anh ở đơn vị.

22. Dạy học tích hợp ngôn ngữ và kiến thức (định hướng ứng dụng)

Học phần này thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn. Học phần cung cấp cho người học kiến thức về đường hướng dạy học tích hợp ngôn ngữ và nội dung, bao gồm các chủ đề như các nguyên tắc và lợi ích của đường hướng này, các hoạt động điển hình và chiến lược cơ bản để triển khai dạy học tích hợp ngôn ngữ và kiến thức, cách thức soạn giáo án cho bài học tích hợp, và các thách thức khi áp dụng đường hướng này trong các bối cảnh dạy học cụ thể.

23. Giảng dạy Tiếng Anh chuyên ngành

Học phần này thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn. Học phần giúp người học nắm được các kiến thức cơ bản về chương trình dạy học tiếng Anh chuyên ngành và các lĩnh vực tiếng Anh chuyên ngành, bao gồm cả tiếng Anh học thuật và tiếng Anh nghề nghiệp. Từ đó, người học hiểu và áp dụng các nguyên tắc dạy học tiếng Anh chuyên ngành để đáp ứng nhu cầu của người học và xã hội.

24. Phát triển tư liệu dạy học Tiếng Anh

Học phần này thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn. Học phần trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về phương pháp và kỹ thuật phát triển tư liệu giảng dạy, mối quan hệ giữa thiết kế chương trình, phương pháp giảng dạy và phát triển tư liệu giảng dạy, và phương pháp đánh giá các xu hướng phát triển tư liệu giảng dạy phục vụ một chương trình dạy và học cụ thể. Từ đó, người học phát triển kỹ năng xây dựng tư liệu dạy học dựa trên mục tiêu bài học, nhu cầu của người học và các tiêu chí khác.

25. Thiết kế và phát triển bài dạy Tiếng Anh

Học phần này thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn. Học phần trang bị cho người học các nguyên tắc thiết kế và phát triển bài dạy Tiếng Anh, công cụ dạy học và tư liệu dạy học Tiếng Anh. Trong học phần này, người học kết nối và áp dụng các lý thuyết dạy học Tiếng Anh để thiết kế bài dạy Tiếng Anh nhằm đảm bảo chất lượng dạy học. Học phần cũng giúp cho người học rèn luyện kỹ năng tổ chức nội dung dạy học, thiết kế các tư liệu và công cụ dạy học để đạt mục tiêu dạy học.

PHẦN 4. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NHÂN VIÊN HỖ TRỢ

4.1 Đội ngũ giảng viên

Đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo bao gồm 02 Phó giáo sư, 07 tiến sĩ, giảng viên cơ hữu của khoa Sư Phạm Ngoại Ngữ và các thỉnh giảng bao gồm các nhà khoa học hàng đầu trong nước ở lĩnh vực LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh. Ngoài ra khoa còn mời nhiều giáo sư ở các trường đại học nước ngoài như Nhật, Mỹ hợp tác để tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học, hội thảo, hội nghị nhằm giúp cho học viên có cơ hội hình thành và phát triển các kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết để đạt các CĐR.

Đội ngũ giảng viên của ngành được quy hoạch, tuyển dụng dựa trên các yêu cầu, tiêu chuẩn để đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Với năng lực chuyên môn cao, đội ngũ giảng viên của ngành đã chủ trì/tham gia thực hiện nhiều công trình nghiên cứu khoa học và công bố các kết quả nghiên cứu rộng rãi. Đây là điều kiện thuận lợi để nâng cao chất lượng giảng dạy của các học phần trong CTĐT. Ngành phân công nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo và các công việc khác phù hợp với trình độ, kinh nghiệm kỹ năng của từng giảng viên. Nhờ thế, năng lực và điểm mạnh của mỗi người được phát huy tới mức tối đa, mang lại các giá trị bền vững cho CTĐT.

Bảng dưới đây cung cấp các thông tin chung về đội ngũ giảng viên tham gia đào tạo của ngành.

TT	Họ và tên	Vị trí	Ngành học tiến sĩ	Nơi cấp bằng
1	PGS. TS. Trần Thị Ngọc Yến	Cơ hữu	LL&PPDH tiếng Anh	New Zealand
2	TS. Nguyễn Thị Vân Lam	Cơ hữu	LL&PPDH tiếng Anh	Úc
3	TS. Trần Thị Hảo	Cơ hữu	LL&PPDH tiếng Anh	Úc
4	TS. Lê Thị Tuyết Hạnh	Cơ hữu	LL&PPDH tiếng Anh	Việt Nam
5	PGS. TS. Ngô Đình Phương	Cơ hữu	Lý luận ngôn ngữ	Việt Nam
6	TS. Trần Bá Tiến	Cơ hữu	Ngôn ngữ Anh	Việt Nam
7	TS. Nguyễn Thị Kim Anh	Cơ hữu	Ngôn ngữ học	Việt Nam
8	TS. Nguyễn Duy Bình	Cơ hữu	Lý luận ngôn ngữ	Việt Nam
9	TS. Nguyễn Xuân Bình	Cơ hữu	Lý luận ngôn ngữ	Việt Nam
10	PGS. TS. Nguyễn Thanh Tùng	Thỉnh giảng	LL&PPDH tiếng Anh	Úc
11	PGS. TS. Lê Phạm Hoài Hương	Thỉnh giảng	LL&PPDH tiếng Anh	New Zealand
12	PGS. TS. Lê Văn Canh	Thỉnh giảng	LL&PPDH tiếng Anh	Úc
13	TS. Nguyễn Gia Việt	Thỉnh giảng	LL&PPDH tiếng Anh	New Zealand
14	PGS. TS. Nguyễn Thị Mai Hương	Thỉnh giảng	Giáo dục học	Anh
15	TS. Huỳnh Anh Tuấn	Thỉnh giảng	Ngôn ngữ học	Anh
16	TS. Trần Quang Hải	Thỉnh giảng	Lý luận ngôn ngữ	Việt Nam
17	TS. Nguyễn Thị Bích Hạnh	Thỉnh giảng	Ngôn ngữ học	Anh
18	TS. Nguyễn Thị Quyết	Thỉnh giảng	Ngôn ngữ Anh	Việt Nam

19	PGS. TS. Lâm Quang Đông	Thỉnh giảng	Ngôn ngữ Anh	Việt Nam
20	TS. Nguyễn Duy Khang	Thỉnh giảng	Khoa học giáo dục	Ba Lan
21	TS. Phan Thị Tuyết Vân	Thỉnh giảng	Khoa học giáo dục	Ba Lan

Ngoài đội ngũ giảng viên cơ hữu và các thỉnh giảng trong nước, ngành còn mời các giáo sư hàng đầu về TESOL ở các nước phát triển như Nhật, Úc tham gia thực hiện các buổi seminar, tập huấn, hội thảo nhằm tạo cơ hội cho người học phát triển chuyên sâu về năng lực sư phạm và trình độ chuyên môn. Các chuyên gia quốc tế cũng tham gia thực hiện nghiên cứu khoa học với đội ngũ giảng viên cơ hữu của khoa và hỗ trợ trong việc hướng dẫn học viên thực hiện luận văn tốt nghiệp.

4.2 Nhân viên hỗ trợ

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của ngành bao gồm đội ngũ hỗ trợ chung của Nhà trường (Thư viện, Trung tâm hỗ trợ sinh viên và quan hệ doanh nghiệp, Phòng Công tác Chính trị - Học sinh - Sinh viên, Bộ phận một cửa - Phòng Hành chính Tổng hợp) và đội ngũ hỗ trợ của Khoa Sư phạm Ngoại ngữ (chuyên viên phụ trách công tác văn phòng; chuyên viên phụ trách quản lý công tác chính trị Học sinh - Sinh viên; chuyên viên hỗ trợ kỹ thuật ở các phòng học tiếng, chuyên viên tài chính và quản lý quỹ). Các cán bộ hỗ trợ đều có trình độ từ cử nhân trở lên. Để đảm bảo chất lượng, các cán bộ hỗ trợ và giảng viên kiêm nhiệm đều được tham gia các khóa đào tạo, tập huấn thường xuyên nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và kỹ năng giải quyết vấn đề. Dưới đây là danh sách đội ngũ nhân viên hỗ trợ của ngành.

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Nhiệm vụ	Trình độ	Đơn vị
1	Phan Thị Đào Quyên Chuyên viên	Quản lý sinh viên, học viên	Cử nhân	Khoa Sư Phạm Ngoại Ngữ
2	Nguyễn Thị Lan Hương Chuyên viên	Cán bộ văn phòng	Cử nhân	Khoa Sư Phạm Ngoại Ngữ
3	Văn Thị Hà Giảng viên	Trợ lý đào tạo sau đại học	Thạc sĩ	Khoa Sư Phạm Ngoại Ngữ
4	Lê Hùng Việt Chuyên viên	Cán bộ văn phòng	Cử nhân	Khoa Sư Phạm Ngoại Ngữ
5	Nguyễn Tiến Cường Chuyên viên	- Theo dõi hoạt động đào tạo thạc sĩ. - Quản lý hệ quản lý học tập, phần mềm quản lý người học, cơ sở dữ liệu giảng viên và người học, website của Phòng.	Tiến sĩ	Phòng Sau ĐH

		- Phối hợp tiếp nhận hồ sơ tuyển sinh thạc sĩ.		
6	Trần Việt Dũng Chuyên viên	Quản lý hồ sơ tuyển sinh	Thạc sĩ	Phòng Sau ĐH
7	Lê Trần Nam Chuyên viên	Quản lý HS, sinh viên, học viên chính quy bao gồm công tác tuyển sinh, nhập học; công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật người học; lấy ý kiến người học; phần mềm quản lý.	Thạc sĩ	Phòng CTCT-HSSV
8	Trần Đình Diệu Chuyên viên	Quản lý, theo dõi học phí của người học.	Thạc sĩ	Phòng Kế hoạch - Tài chính
9	Nguyễn Bắc Giang Chuyên viên	Quản lý, theo dõi học phí của người học.	Thạc sĩ	Phòng Kế hoạch - Tài chính
10	Vũ Chí Cường Phó Viện trưởng	Hỗ trợ hệ thống elearning	Tiến sĩ	Viện NC&ĐTTT
11	Lê Văn Tấn Giám đốc	Hỗ trợ hệ thống quản lý điểm.	Thạc sĩ	Trung tâm CNTT
12	Nguyễn Tuấn Nghĩa Chuyên viên	Hỗ trợ hệ thống quản lý điểm.	Thạc sĩ	Trung tâm CNTT
13	Nguyễn Thị Hương Trà Phó Giám đốc	Quản lý hệ thống đảm bảo chất lượng.	Thạc sĩ	Trung tâm Đảm bảo chất lượng
14	Trần Thị Hằng Chuyên viên	Hỗ trợ các vấn đề liên quan đến điểm thi của người học.	Thạc sĩ	Trung tâm Đảm bảo chất lượng
15	Nguyễn Tuấn Minh Kỹ thuật viên	Hỗ trợ học viên in ấn và lưu trữ đồ án, luận văn.	Thạc sĩ	Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào
16	Ngô Thị Thúy Lan Chuyên viên	Hỗ trợ học liệu tại thư viện.	Thạc sĩ	Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào
17	Nguyễn Hoàng Hà Y sĩ	Hỗ trợ y tế.	Y sĩ	Trạm y tế

PHẦN 5. CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ TRANG THIẾT BỊ

Trường Đại học Vinh nói chung và ngành LL&PPDH bộ môn Tiếng Anh nói riêng, luôn cố gắng đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập để triển khai các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học nhằm đạt được mục tiêu dạy học và chuẩn đầu ra CTĐT.

5.1 Hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng

Trường Đại học Vinh có khuôn viên lớn với hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng đầy đủ, đa dạng, thuận tiện cho việc tổ chức dạy học cho hàng vạn sinh viên và học viên cao học. Mỗi khoa đào tạo có văn phòng khoa với diện tích đáp ứng quy mô của khoa và các phòng họp phục vụ cho các buổi họp, seminar, sinh hoạt chuyên môn. Hiện tại, Nhà trường có 68 phòng làm việc với diện tích 15.864m² cơ bản đáp ứng nhu cầu làm việc của các cán bộ, giảng viên và nhân viên cơ hữu. Năm 2015, với việc đưa vào sử dụng tòa nhà điều hành 8 tầng, Nhà trường đã có khu điều hành hành chính tập trung; phòng làm việc cho các giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cao cấp; phòng Seminar và sinh hoạt của tổ bộ môn. Nhà trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn, đáp ứng nhu cầu của công tác đào tạo và NCKH.

5.2 Hệ thống thư viện

Hệ thống thư viện của trường có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng Anh đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Với diện tích sử dụng gần 29.000m² bao gồm 06 phòng học, 01 hội trường, 03 phòng máy tính, 09 kho sách, 06 phòng đọc với 2000 chỗ ngồi, thư viện được xây dựng và phát triển theo xu hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, tự động hóa trên quan điểm phục vụ mới: hướng tới người sử dụng, tạo điều kiện cho bạn đọc khai thác thông tin thuận lợi, nhanh chóng, chính xác. Thư viện có những nội quy, quy định rõ ràng nhằm phục vụ bạn đọc tốt hơn.

Tính đến tháng 8/2016, về tài liệu truyền thống, Trung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào có khoảng 26.000 tên giáo trình và tài liệu các loại với khoảng 200.000 bản, 129 loại báo và tạp chí, 16.500 luận án và luận văn. Nguồn tài liệu được bổ sung cập nhật hàng năm. Các đầu sách của Thư viện đảm bảo phục vụ cho các chuyên ngành đào tạo và nghiên cứu của Trường đạt mức trung bình cho các ngành đào tạo. Nguồn tài liệu của thư viện được quản lý bằng phần mềm quản lý thư viện (phần mềm Ilib).

Từ cuối năm 2010, bên cạnh tài liệu truyền thống, nguồn tài liệu điện tử đã được quan tâm tạo lập và phát triển phục vụ tốt công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường. Nguồn tài liệu số hiện nay có gần 16.000 tên tài liệu sách, giáo trình điện tử, 15.500 đề tài luận án, luận văn, 5 bộ cơ sở dữ liệu trực tuyến. Ngoài ra, Trung tâm Thông tin - Thư viện đã tạo lập các bộ sưu tập số thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn. Độc giả có thể tra cứu tài liệu theo 3 cổng thông tin điện tử: <http://tvs.lib.vinhuni.edu.vn>; <http://thuvien.vinhuni.edu.vn>;

<http://tailieu.vinhuni.edu.vn>. Bên cạnh đó, Thư viện Trường đã thực hiện việc phối hợp, liên thông chia sẻ nguồn lực thông tin nhằm nâng cao năng lực phục vụ. Học viên có thể cập nhật, lấy dữ liệu, khai thác với thư viện các trường đại học khác như Trường Đại học Quốc Gia Hà Nội, Đại học Quốc Gia thành phố Hồ Chí Minh, Cục thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia, sử dụng giải pháp thư viện số ELib-Tailieu.vn của công ty TNHH tài liệu trực tuyến VINA.

5.3 Hệ thống công nghệ thông tin

Ngành LL&PPDH Tiếng Anh được sự hỗ trợ của Trung tâm công nghệ thông tin trong việc quản lý các hoạt động học tập, nghiên cứu, của giảng viên và học viên. Giảng viên được trang bị máy tính xách tay để phục vụ công tác đào tạo và hoạt động nghiên cứu khoa học. Hệ thống mạng Internet và Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường. Thư viện trường có hơn 100 máy tính được nối mạng Internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu online cho học viên. Phần mềm CMC của nhà trường giúp cho ngành quản lý công tác dạy học, nghiên cứu khoa học, tài khoản, tài sản, điểm, học bổng, học phí và lĩnh vực khác một cách thuận tiện. Ngoài ra, hệ thống LMS giúp cho việc dạy và học được số hóa dễ dàng, tạo điều kiện cho người học tự nghiên cứu, tìm tòi trước giờ lên lớp, từ đó có thể phát triển các năng lực ở bậc cao.

5.4 Trạm y tế

Với diện tích khuôn viên 505 m², trạm y tế của nhà trường được trang bị đầy đủ các trang thiết bị y tế đáp ứng nhu cầu được trợ giúp kịp thời của người học khi gặp vấn đề về sức khỏe [H9.9.05.03]. Trạm y tế tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm và phân loại sức khỏe, quản lý và lưu hồ sơ sức khỏe của cán bộ và người học, sơ cứu, cấp cứu, khám bệnh, chữa bệnh theo phân tuyến kỹ thuật, chăm sóc sức khỏe ban đầu, cấp thuốc thông thường, chuyển bệnh nhân lên cơ sở y tế tuyến trên trong những trường hợp cần thiết, tuyên truyền, giáo dục, tư vấn các vấn đề liên quan đến sức khỏe, vận động người học tham gia bảo hiểm y tế, tổ chức thực hiện vệ sinh học đường, vệ sinh môi trường, phòng chống các bệnh dịch, bệnh, tật học đường, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống HIV và AIDS, các bệnh xã hội và các hoạt động khác về y tế trường học; chủ trì, phối hợp với các đơn vị, đoàn thể trong trường thực hiện công tác y tế trường học, xây dựng môi trường trường học lành mạnh, an toàn.

PHẦN 6. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

6.1 Đối với Khoa quản lý chương trình

- Phải nghiên cứu kỹ CTĐT để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.
- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp đề cương chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.
- Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ CTĐT theo học chế tín chỉ để hướng dẫn người học đăng ký các học phần.
- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.
- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

6.2 Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.
- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho người học trước một tuần để người học chuẩn bị trước khi lên lớp.
- Tổ chức cho người học các buổi seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn người học làm tiểu luận, bài tập lớn, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ, thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp và hướng dẫn người học viết báo cáo.

6.3 Kiểm tra, đánh giá

- Giảng viên và cố vấn học tập phải kiểm soát được suốt quá trình học tập của sinh viên, kể cả ở trên lớp và ở nhà.
- Việc kiểm tra, đánh giá học phần là một công cụ quan trọng cần phải được tổ chức thường xuyên để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, nên giảng viên phải thực hiện theo đúng quy chế của học chế tín chỉ.
- Giảng viên phải kiên quyết ngăn chặn và chống gian lận trong tổ chức thi cử, kiểm tra và đánh giá.

6.4 Đối với học viên

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ.
- Phải nghiên cứu chương trình học tập trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng.
- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên.

- Tự giác trong khâu tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi seminar.
- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu.
- Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

6.5 Một số quy định chung của CTĐT

6.5.1 Quy định về việc nghỉ học tạm thời, thôi học

Học viên được phép nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường học sau đây:

- a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;
- b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế hoặc thực hiện các nhiệm vụ khác của quốc gia, của ngành;
- c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ sở khám, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế;
- d) Vì lý do cá nhân khác nhưng phải hoàn thành ít nhất một học kỳ của cơ sở đào tạo và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật. Thời gian nghỉ học tạm thời phải được tính vào thời gian tối đa để hoàn thành khóa học theo quy chế.

6.5.2 Quy định về chuyển cơ sở đào tạo, chuyển nơi học và chuyển chương trình đào tạo

- Học viên được xét chuyển cơ sở đào tạo, chuyển nơi học và chuyển chương trình đào tạo nếu đáp ứng các yêu cầu sau:

- a) Đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình đào tạo xin chuyển đến và cơ sở đào tạo xin chuyển đến có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- b) Được sự đồng ý của hiệu trưởng cơ sở đào tạo xin chuyển đi và cơ sở đào tạo xin chuyển đến đối với chuyển cơ sở đào tạo;
- c) Được sự đồng ý của thủ trưởng các đơn vị chuyên môn phụ trách chương trình, ngành đào tạo, người phụ trách phân hiệu (nơi chuyển đi và chuyển đến) và của hiệu trưởng cơ sở đào tạo đối với trường hợp chuyển nơi học và chuyển chương trình đào tạo trong cùng một cơ sở đào tạo;
- d) Còn đủ thời gian để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Quy chế này và không đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

- Việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy đối với học viên thuộc các trường hợp chuyển cơ sở đào tạo, chuyển chương trình đào tạo phải bảo đảm các quy định của Thông tư 23 của Bộ GD&ĐT.

6.5.3 Quy định về xử lý vi phạm đối với học viên

- Học viên có gian lận trong thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm.
- Học viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

- Học viên vi phạm một trong các quy định sau đây sẽ bị buộc thôi học; bằng thạc sĩ nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, hủy bỏ theo quy định của Bộ GD&ĐT:

+ Có hành vi gian lận trong tuyển sinh, học tập, bảo vệ luận văn, đề án hoặc gian lận trong việc làm hồ sơ để được cấp văn bằng, chứng chỉ;

+ Sử dụng kết quả của người khác hoặc sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận văn, đề án và bị hội đồng thẩm định kết luận nếu cắt bỏ những phần sử dụng, sao chép, trích dẫn đó thì luận văn, đề án không đạt yêu cầu;

+ Nhờ hoặc thuê người khác làm hộ luận văn, đề án.

6.5.4 Quy định chấm điểm luận văn thạc sĩ

Điểm luận văn của học viên cao học bao gồm: Điểm đánh giá nội dung luận văn đạt tối đa 9.0 điểm và điểm thành tích nghiên cứu khoa học đạt tối đa 1.0 điểm (có thể lẻ đến một chữ số thập phân).

*** Điểm đánh giá nội dung luận văn**

Luận văn được đánh giá đạt điểm 9.0 cần phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Luận văn có ý nghĩa khoa học và thực tiễn sâu sắc;

- Nội dung luận văn tốt; hình thức trình bày đẹp và đúng quy định;

- Bảo vệ luận văn tốt;

+ Trình bày rõ ràng, đúng trọng tâm, đảm bảo thời gian và có minh họa;

+ Trả lời đầy đủ, mạch lạc và chính xác các câu hỏi của hội đồng.

- Điểm trung bình chung học tập đạt từ 8.0 điểm trở lên.

Nếu không đạt một trong các yêu cầu trên thì mỗi thành viên của hội đồng không cho điểm 9.0.

Luận văn được đánh giá đạt điểm 8.5 cần phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Nội dung luận văn tốt; hình thức trình bày đẹp và đúng quy định;

- Bảo vệ luận văn tốt;

+ Trình bày rõ ràng, đúng trọng tâm, đảm bảo thời gian và có minh họa;

+ Trả lời tương đối đầy đủ và chính xác các câu hỏi của hội đồng.

- Điểm trung bình chung học tập đạt từ 7.5 điểm trở lên.

Nếu không đạt một trong các yêu cầu trên thì mỗi thành viên của hội đồng không cho điểm 8.5.

Luận văn được đánh giá đạt điểm 8.0 cần phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Nội dung luận văn tốt; hình thức trình bày đúng quy định;

- Bảo vệ luận văn tốt;

- Điểm trung bình chung học tập đạt từ 7.0 trở lên.

Nếu không đạt một trong các yêu cầu trên thì mỗi thành viên của hội đồng không cho điểm 8.0.

Luận văn được đánh giá đạt điểm 7.5 cần phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Nội dung luận văn tốt; hình thức trình bày đúng quy định;

- Bảo vệ luận văn khá;

- Điểm trung bình chung học tập đạt từ 6.5 trở lên.

Nếu không đạt các yêu cầu trên thì mỗi thành viên của hội đồng không cho điểm 7.5.

Luận văn được đánh giá đạt điểm 7.0 cần phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Nội dung luận văn khá; hình thức trình bày đúng quy định;
- Bảo vệ luận văn khá;
- Điểm trung bình chung học tập đạt từ 6.0 điểm trở lên.

Nếu không đạt các yêu cầu trên thì mỗi thành viên của hội đồng không cho điểm 7.0.

Đối với luận văn được đánh giá đạt dưới 7.0 điểm:

- Áp dụng đối với các luận văn chưa đáp ứng được các yêu cầu nói trên. Căn cứ kết quả học tập, chất lượng luận văn và kết quả bảo vệ luận văn của học viên để các thành viên của hội đồng cho điểm phù hợp.

Luận văn không đạt yêu cầu khi Hội đồng chấm luận văn đánh giá đạt từ 5.4 điểm trở xuống.

*** Điểm thành tích nghiên cứu khoa học**

Điểm thành tích nghiên cứu khoa học được tính khi các kết quả chính của luận văn đã đăng tải trên tạp chí và các ấn phẩm khoa học khác thuộc danh mục tính điểm của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước và Tạp chí khoa học của Trường Đại học Vinh trong thời gian học thạc sĩ; hoặc phát triển thành các đề tài nghiên cứu khoa học đã được nơi ứng dụng đồng ý bằng văn bản về việc chuyển giao, triển khai kết quả nghiên cứu.

Tổng điểm bài báo hoặc đề tài quy đổi được tính theo quy định của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước (khi tính điểm bài báo, đề tài không chia theo số lượng tác giả) của năm trước đó đạt từ:

- Thấp hơn hoặc bằng 0.5 điểm thì được cộng tối đa 0.5 điểm vào điểm luận văn;
- Trên 0.5 điểm thì được cộng tối đa 1 điểm vào điểm luận văn.

Nếu các bài báo hoặc đề tài nghiên cứu khoa học không gắn với kết quả chính của luận văn thì cho tối đa 50% số điểm đã nêu trên.

Lưu ý: Điểm luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên có mặt trong buổi đánh giá luận văn, làm tròn đến một chữ số thập phân. Luận văn đạt yêu cầu khi điểm trung bình của Hội đồng chấm từ 5.5 điểm trở lên.

Nghệ An, ngày 22 tháng 12 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS. Nguyễn Huy Bằng

PHỤ LỤC 1

ĐỐI SÁNH CDR CTĐT ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU VÀ KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA VIỆT NAM

PLOs	Khung Trình độ Quốc gia		
	Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ & trách nhiệm
1.1.1	- Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo - Kiến thức liên ngành liên quan		
Vận dụng các kiến thức chung về triết học, quản lý và quản trị trong nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh			
1.1.2			
Phân tích mối liên hệ giữa các lý thuyết về ngôn ngữ và tiếp thu ngôn ngữ với các lý thuyết dạy học Tiếng Anh			
1.2.1	- Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo - Kiến thức liên ngành liên quan		
Phân tích các đường hướng, phương pháp, nguyên tắc dạy học và kiểm tra đánh giá tiếng Anh để áp dụng trong bối cảnh giáo dục cụ thể			
2.1.1			
Vận dụng kỹ năng tư duy phản biện và sáng tạo để giải quyết vấn đề trong nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh			
2.1.2	- Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo - Kiến thức liên ngành liên quan	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo	
Sử dụng CNTT một cách sáng tạo để thực hiện và cải tiến các hoạt động nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh			
2.2.1			
Tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh			
2.2.2	Kiến thức chung về quản trị và quản lý		Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác
Thích nghi và tự định hướng để phát triển trong môi trường giáo dục			
3.1.1			
Lãnh đạo nhóm chuyên môn để thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh			
3.1.2		Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa	
Hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong quá trình nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh			

PLOs	Khung Trình độ Quốc gia		
	Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ & trách nhiệm
		học với người cùng ngành và với người khác	
3.2.1	Đa dạng hóa các hình thức giao tiếp để thực hiện hiệu quả các hoạt động nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh	Kỹ năng tổ chức, quản trị, và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến	
3.2.2	Sử dụng ngoại ngữ thứ hai ở bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Quốc Gia để cải tiến các hoạt động chuyên môn	Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	
4.1.1	Phân tích bối cảnh thực hiện các nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực dạy học Tiếng Anh	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học	
4.2.1	Hình thành ý tưởng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực dạy học Tiếng Anh		- Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng
4.2.2	Thiết kế phương pháp và công cụ nghiên cứu để thực hiện ý tưởng nghiên cứu trong lĩnh vực dạy học Tiếng Anh	Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với người khác	- Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn
4.2.3	Thu thập và phân tích dữ liệu để rút ra kết luận khoa học trong lĩnh vực dạy học Tiếng Anh		- Đưa ra các kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn
4.2.4	Đánh giá và công bố kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực dạy học Tiếng Anh		

PHỤ LỤC 2

ĐỐI SÁNH CDR CTĐT ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU VÀ ĐỀ CƯƠNG CDIO

	PLOs	CHỦ ĐỀ TRONG ĐỀ CƯƠNG CDIO			
		Kiến thức và lập luận ngành	Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp	Kỹ năng giao tiếp: Làm việc nhóm và giao tiếp	Năng lực CDIO trong bối cảnh nghề nghiệp
1.1.1	Vận dụng các kiến thức chung về triết học, quản lý và quản trị trong nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh	Kiến thức cơ sở ngành			
1.1.2	Phân tích mối liên hệ giữa các lý thuyết về ngôn ngữ và tiếp thu ngôn ngữ với các lý thuyết dạy học Tiếng Anh	Kiến thức cơ sở ngành			
1.2.1	Phân tích các đường hướng, phương pháp, nguyên tắc dạy học và kiểm tra đánh giá tiếng Anh để áp dụng trong bối cảnh giáo dục cụ thể	Kiến thức chuyên ngành			
2.1.1	Vận dụng kỹ năng tư duy phản biện và sáng tạo để giải quyết vấn đề trong nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh		Lập luận phân tích và giải quyết vấn đề + Tư duy tầm hệ thống		
2.1.2	Sử dụng CNTT một cách sáng tạo để thực hiện và cải tiến các hoạt động nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh		Giao tiếp kỹ thuật số		
2.2.1	Tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh		Đạo đức, công bằng và trách nhiệm		
2.2.2	Thích nghi và tự định hướng để phát triển trong môi trường giáo dục		Chủ động cho tương lai và vạch kế hoạch dài hạn		
3.1.1	Lãnh đạo nhóm chuyên môn để thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh		Giao tiếp	Làm việc nhóm (Lãnh đạo nhóm)	
3.1.2	Hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong quá trình nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh			Làm việc nhóm	

		CHỦ ĐỀ TRONG ĐỀ CƯƠNG CDIO			
PLOs		Kiến thức và lập luận ngành	Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp	Kỹ năng giao tiếp: Làm việc nhóm và giao tiếp	Năng lực CDIO trong bối cảnh nghề nghiệp
3.2.1	Đa dạng hóa các hình thức giao tiếp để thực hiện hiệu quả các hoạt động nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh			Giao tiếp (Giao tiếp đa phương tiện)	
3.2.2	Sử dụng ngoại ngữ thứ hai ở bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Quốc Gia để cải tiến các hoạt động chuyên môn			Giao tiếp bằng ngoại ngữ	
4.1.1	Phân tích bối cảnh thực hiện các nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực dạy học Tiếng Anh				Hình thành ý tưởng
4.2.1	Hình thành ý tưởng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực dạy học Tiếng Anh				Hình thành ý tưởng
4.2.2	Thiết kế phương pháp và công cụ nghiên cứu để thực hiện ý tưởng nghiên cứu trong lĩnh vực dạy học Tiếng Anh				Thiết kế
4.2.3	Thu thập và phân tích dữ liệu để rút ra kết luận khoa học trong lĩnh vực dạy học Tiếng Anh				Triển khai/Thực hiện
4.2.4	Đánh giá và công bố kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực dạy học Tiếng Anh				Vận hành

PHỤ LỤC 3

ĐỐI SÁNH CDR CTĐT ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU VÀ CDR CÙNG NGÀNH CỦA CÁC TRƯỜNG ĐH KHÁC

PLOs CTĐT		PLOs cùng ngành của các trường ĐH nước ngoài			
		University of Melbourne (Australia)	Swinburne University of Technology (Malaysia)	University of Anaheim (Europe)	University of San Francisco (United States)
1.1.1	Vận dụng các kiến thức chung về triết học, quản lý và quản trị trong nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh	✓	✓	✓	✓
1.1.2	Phân tích mối liên hệ giữa các lý thuyết về ngôn ngữ và tiếp thu ngôn ngữ với các lý thuyết dạy học Tiếng Anh	✓	✓	✓	✓
1.2.1	Phân tích các đường hướng, phương pháp, nguyên tắc dạy học và kiểm tra đánh giá tiếng Anh để áp dụng trong bối cảnh giáo dục cụ thể	✓	✓	✓	✓
2.1.1	Vận dụng kỹ năng tư duy phân biện và sáng tạo để giải quyết vấn đề trong nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh	✓			
2.1.2	Sử dụng CNTT một cách sáng tạo để thực hiện và cải tiến các hoạt động nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh	✓	✓		✓
2.2.1	Tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh	✓		✓	
2.2.2	Thích nghi và tự định hướng để phát triển trong môi trường giáo dục	✓		✓	
3.1.1	Lãnh đạo nhóm chuyên môn để thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh		✓		
3.1.2	Hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong quá trình nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh	✓			
3.2.1	Đa dạng hóa các hình thức giao tiếp để thực hiện hiệu quả các hoạt động nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh	✓			

PLOs CTĐT		PLOs cùng ngành của các trường ĐH nước ngoài			
		University of Melbourne (Australia)	Swinburne University of Technology (Malaysia)	University of Anaheim (Europe)	University of San Francisco (United States)
3.2.2	Sử dụng ngoại ngữ thứ hai ở bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Quốc Gia để cải tiến các hoạt động chuyên môn		✓		
4.1.1	Phân tích bối cảnh thực hiện các nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực dạy học Tiếng Anh				
4.2.1	Hình thành ý tưởng nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực dạy học Tiếng Anh	✓	✓	✓	
4.2.2	Thiết kế phương pháp và công cụ nghiên cứu để thực hiện ý tưởng nghiên cứu trong lĩnh vực dạy học Tiếng Anh	✓	✓	✓	
4.2.3	Thu thập và phân tích dữ liệu để rút ra kết luận khoa học trong lĩnh vực dạy học Tiếng Anh	✓	✓		
4.2.4	Đánh giá và công bố kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực dạy học Tiếng Anh	✓	✓	✓	✓

PHỤ LỤC 4

ĐỐI SÁNH CDR CTCĐT ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG VÀ KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA VIỆT NAM

PLOs	Khung Trình độ Quốc gia		
	Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ & trách nhiệm
1.1.1	Vận dụng các kiến thức chung về triết học, quản lý và quản trị trong nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh	- Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo	
1.1.2	Phân tích mối liên hệ giữa các lý thuyết về ngôn ngữ và tiếp thu ngôn ngữ với các lý thuyết dạy học Tiếng Anh		
1.2.1	Phân tích các đường hướng, phương pháp, nguyên tắc dạy học và kiểm tra đánh giá tiếng Anh để áp dụng trong bối cảnh giáo dục cụ thể	- Kiến thức liên ngành liên quan	
2.1.1	Vận dụng kỹ năng tư duy phân biện và sáng tạo để giải quyết vấn đề trong nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học	
2.1.2	Sử dụng CNTT một cách sáng tạo để thực hiện và cải tiến các hoạt động nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh	Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo	
2.2.1	Tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh		
2.2.2	Thích nghi và tự định hướng để phát triển trong môi trường giáo dục		Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác
3.1.1	Lãnh đạo nhóm chuyên môn để thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh		
3.1.2	Hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong quá	Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên	

PLOs	Khung Trình độ Quốc gia		
	Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ & trách nhiệm
	trình nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh	cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với người khác	
3.2.1	Đa dạng hóa các hình thức giao tiếp để thực hiện hiệu quả các hoạt động nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh	Kỹ năng tổ chức, quản trị, và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến	
3.2.2	Sử dụng ngoại ngữ thứ hai ở bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Quốc Gia để cải tiến các hoạt động chuyên môn	Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	
4.1.1	Phân tích bối cảnh thực hiện chương trình dạy học Tiếng Anh	Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học	
4.2.1	Lựa chọn đường hướng và loại hình chương trình dạy học Tiếng Anh	Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với người khác	- Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng
4.2.2	Thiết kế nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá cho chương trình dạy học Tiếng Anh		- Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn
4.2.3	Thực hiện chương trình dạy học Tiếng Anh		- Đưa ra các kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn
4.2.4	Đánh giá và phát triển chương trình dạy học Tiếng Anh		

PHỤ LỤC 5

ĐỐI SÁNH CDR CTĐT ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG VÀ ĐỀ CƯƠNG CDIO

PLOs		CHỦ ĐỀ TRONG ĐỀ CƯƠNG CDIO			
		Kiến thức và lập luận ngành	Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp	Kỹ năng giao tiếp: Làm việc nhóm và giao tiếp	Năng lực CDIO trong bối cảnh nghề nghiệp
1.1.1	Vận dụng các kiến thức chung về triết học, quản lý và quản trị trong nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh	Kiến thức cơ sở ngành			
1.1.2	Phân tích mối liên hệ giữa các lý thuyết về ngôn ngữ và tiếp thu ngôn ngữ với các lý thuyết dạy học Tiếng Anh	Kiến thức cơ sở ngành			
1.2.1	Phân tích các đường hướng, phương pháp, nguyên tắc dạy học và kiểm tra đánh giá tiếng Anh để áp dụng trong bối cảnh giáo dục cụ thể	Kiến thức chuyên ngành			
2.1.1	Vận dụng kỹ năng tư duy phản biện và sáng tạo để giải quyết vấn đề trong nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh		Lập luận phân tích và giải quyết vấn đề + Tư duy tầm hệ thống		
2.1.2	Sử dụng CNTT một cách sáng tạo để thực hiện và cải tiến các hoạt động nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh		Giao tiếp kỹ thuật số		
2.2.1	Tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh		Đạo đức, công bằng và trách nhiệm		
2.2.2	Thích nghi và tự định hướng để phát triển trong môi trường giáo dục		Chủ động cho tương lai và vạch kế dài hạn		
3.1.1	Lãnh đạo nhóm chuyên môn để thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh		Giao tiếp	Làm việc nhóm (Lãnh đạo nhóm)	
3.1.2	Hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong quá trình nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh			Làm việc nhóm	
3.2.1	Đa dạng hóa các hình thức giao tiếp để thực hiện hiệu quả các hoạt động nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh			Giao tiếp (Giao tiếp đa phương tiện)	

	PLOs	CHỦ ĐỀ TRONG ĐỀ CƯƠNG CDIO			
		Kiến thức và lập luận ngành	Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp	Kỹ năng giao tiếp: Làm việc nhóm và giao tiếp	Năng lực CDIO trong bối cảnh nghề nghiệp
3.2.2	Sử dụng ngoại ngữ thứ hai ở bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Quốc Gia để cải tiến các hoạt động chuyên môn			Giao tiếp bằng ngoại ngữ	
4.1.1	Phân tích bối cảnh thực hiện chương trình dạy học Tiếng Anh				Hình thành ý tưởng
4.2.1	Lựa chọn đường hướng và loại hình chương trình dạy học Tiếng Anh				Hình thành ý tưởng
4.2.2	Thiết kế nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá cho chương trình dạy học Tiếng Anh				Thiết kế
4.2.3	Thực hiện chương trình dạy học Tiếng Anh				Triển khai/Thực hiện
4.2.4	Đánh giá và phát triển chương trình dạy học Tiếng Anh				Vận hành

PHỤ LỤC 6

ĐỐI SÁNH CDR CTCĐT ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG VÀ CDR CÙNG NGÀNH CỦA CÁC TRƯỜNG ĐH KHÁC

PLOs CTĐT		PLOs cùng ngành của các trường ĐH nước ngoài			
		University of Melbourne (Australia)	Swinburne University of Technology (Malaysia)	University of Anaheim (Europe)	University of San Francisco (United States)
1.1.1	Vận dụng các kiến thức chung về triết học, quản lý và quản trị trong nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh	✓	✓	✓	✓
1.1.2	Phân tích mối liên hệ giữa các lý thuyết về ngôn ngữ và tiếp thu ngôn ngữ với các lý thuyết dạy học Tiếng Anh	✓	✓	✓	✓
1.2.1	Phân tích các đường hướng, phương pháp, nguyên tắc dạy học và kiểm tra đánh giá tiếng Anh để áp dụng trong bối cảnh giáo dục cụ thể	✓	✓	✓	✓
2.1.1	Vận dụng kỹ năng tư duy phân biện và sáng tạo để giải quyết vấn đề trong nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh	✓			
2.1.2	Sử dụng CNTT một cách sáng tạo để thực hiện và cải tiến các hoạt động nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh	✓	✓		✓
2.2.1	Tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh	✓		✓	
2.2.2	Thích nghi và tự định hướng để phát triển trong môi trường giáo dục	✓		✓	
3.1.1	Lãnh đạo nhóm chuyên môn để thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh		✓		
3.1.2	Hợp tác hiệu quả với các bên liên quan trong quá trình nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh	✓			
3.2.1	Đa dạng hóa các hình thức giao tiếp để thực hiện hiệu quả các hoạt động nghiên cứu và dạy học Tiếng Anh	✓			

PLOs CTĐT		PLOs cùng ngành của các trường ĐH nước ngoài			
		University of Melbourne (Australia)	Swinburne University of Technology (Malaysia)	University of Anaheim (Europe)	University of San Francisco (United States)
3.2.2	Sử dụng ngoại ngữ thứ hai ở bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Quốc Gia để cải tiến các hoạt động chuyên môn		✓		
4.1.1	Phân tích bối cảnh thực hiện chương trình dạy học Tiếng Anh				
4.2.1	Lựa chọn đường hướng và loại hình chương trình dạy học Tiếng Anh	✓	✓	✓	
4.2.2	Thiết kế nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá cho chương trình dạy học Tiếng Anh	✓	✓	✓	
4.2.3	Thực hiện chương trình dạy học Tiếng Anh	✓	✓		
4.2.4	Đánh giá và phát triển chương trình dạy học Tiếng Anh	✓	✓	✓	✓

Nguồn tham khảo:

1. <https://handbook.unimelb.edu.au/2020/courses/mc-tesol/print>
2. <http://uciss.com/?course=master-of-arts-tesol> and <https://www.swinburne.edu.my/courses/master-of-arts-tesol.php>
3. <https://anaheim.edu/schools-and-institutes/graduate-school-of-education/ma-in-tesol-main/ma-objectives.html>
4. https://catalog.usfca.edu/preview_program.php?catoid=35&poid=34509

